



BẢN TIN

HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI TỈNH NINH BÌNH

QUÝ IV/2025

TBT NINH BÌNH

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NINH BÌNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG



Lãnh đạo Bộ KH&CN, Lãnh đạo Ủy ban TCĐLCL Quốc gia tặng hoa cho các doanh nghiệp tại Lễ kỷ niệm Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 14-10

Ảnh: tcvn.gov.vn

TBT NINH BÌNH

Địa chỉ: Số 8 - Đường Lê Hồng Phong - Phường Hoa Lư - Tỉnh Ninh Bình
Email: ninhbinhtbt@gmail.com/ Website: <https://sokhcn.ninhbinh.gov.vn>
Điện thoại : 02293 871735



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VŨ QUỐC ĐẠT
Chi cục trưởng- Trưởng ban

Ban biên tập

TS. Vũ Quốc Đạt - Trưởng ban
ThS. Trịnh Đình Thế - Phó trưởng ban
ThS. Hà Trang Nhung - Thành viên
Cn. Nguyễn Thị Hoa - Thành viên
TS. Ngô Văn Nhung - Thư ký

TRONG SỐ NÀY

1. Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

- Việt Nam tiên phong áp dụng biểu mẫu mới của WTO về quy tắc xuất xứ không ưu đãi.
- Danh mục thông báo dự thảo mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các nước thành viên WTO ban hành trong Quý IV/2025.
- Thông báo về biện pháp TBT của một số nước thành viên WTO, doanh nghiệp cần chú ý.
- Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam mới ban hành Quý IV/2025 doanh nghiệp cần chú ý.

2. Chuyên mục: BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

- Kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Tăng cường quản lý đo lường tại các cơ sở sử dụng cân ô tô.
- Hội nghị Tuyên truyền, phổ biến về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và hướng dẫn áp dụng quy định về truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch năm 2025.
- Hội nghị tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại năm 2025 tại tỉnh Ninh Bình.
- Hội nghị Phổ biến về cam kết Hàng rào kỹ thuật trong thương mại tại các Hiệp định thương mại tự do và công cụ minh bạch hoá, khai thác thông tin về TBT.
- Tình hình tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy quý iv năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Chuyên mục: DOANH NGHIỆP VÀ TBT

- Sơ kết 5 năm triển khai Đề án 100: Bước chuyển mình mạnh mẽ của truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa.
- Xây dựng mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số sản phẩm mật ong của tỉnh Ninh Bình.
- Ngày tiêu chuẩn thế giới 14/10.
- Phát triển công nghiệp bán dẫn gắn với năng suất chất lượng và phát triển bền vững.
- Kinh tế tuần hoàn mở đường cho tăng trưởng xanh bền vững.

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại hay gọi tắt là TBT, viết tắt của cụm từ tiếng anh “Technical Barrier to Trade”.

TBT chính là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hay quy trình đánh giá sự phù hợp có khả năng tạo ra rào cản, gây khó khăn hoặc cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bản tin Hàng rào kỹ thuật trong thương mại luôn cập nhật các tin tức về các tiêu chuẩn, quy chuẩn mới ban hành và dự thảo về các quy định mới của các nước thành viên, là tài liệu hữu ích giúp các tổ chức, doanh nghiệp tránh được các rào cản kỹ thuật tiềm ẩn và hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp, góp phần phát triển vào nền kinh tế bền vững của quốc gia.

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gặp những vướng mắc về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng vui lòng liên hệ về Ban biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được giải đáp. Điện thoại 02293 871735 hoặc email: ninhbinhtbt@gmail.com.

VIỆT NAM TIÊN PHONG ÁP DỤNG BIỂU MẪU MỚI CỦA WTO VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ KHÔNG ƯU ĐÃI

Tại cuộc họp không chính thức của Ủy ban về Quy tắc Xuất xứ thuộc Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) vào ngày 01/10/2025, Việt Nam đã có bài trình bày về kinh nghiệm của mình trong việc thông báo các quy tắc xuất xứ (ROO) không ưu đãi theo biểu mẫu mới của WTO. Với vai trò là một trong những Thành viên WTO đầu tiên áp dụng biểu mẫu này, Việt Nam đã chia sẻ về quy trình thực hiện, lợi ích của biểu mẫu và đưa ra những đề xuất cho công việc của Ủy ban trong tương lai.

QUY TRÌNH THÔNG BÁO CỦA VIỆT NAM: SỰ PHỐI HỢP CHẶT CHẼ

Việt Nam đã nộp thông báo về quy tắc xuất xứ không ưu đãi vào tháng 3 năm 2025 (mã tài liệu G/RO/N/291). Để đảm bảo thông báo được toàn diện, chính xác và cập nhật các văn bản pháp lý mới nhất, Việt Nam đã tiến hành một quy trình phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chủ chốt:

- Cục Xuất nhập khẩu (thuộc Bộ Công Thương): Cơ quan chịu trách nhiệm cấp phép, kiểm tra và hướng dẫn việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) không ưu đãi.
- Tổng cục Hải quan (thuộc Bộ Tài chính): Cơ quan chịu trách nhiệm xác minh xuất xứ hàng hóa trong quá trình thông quan.

LỢI ÍCH VÀ TÍNH THỰC TIỄN CỦA BIỂU MẪU MỚI

Việt Nam đánh giá cao cấu trúc và tính hữu dụng của biểu mẫu thông báo mới. Biểu mẫu được thiết kế rõ ràng với các câu hỏi hướng dẫn cụ thể và thiết thực. Cấu trúc của biểu mẫu bao gồm:

- Phụ lục 1: Quy định về quy tắc xuất xứ không ưu đãi (thông tin cơ bản, phạm vi áp dụng, tiêu chí xác định chuyển đổi đáng kể, và các phán quyết trước).
- Phụ lục 2: Các yêu cầu về chứng từ.

Việt Nam cho rằng nhờ có một khung pháp lý vững chắc sẵn có, việc hoàn thành biểu mẫu diễn ra một cách thuận lợi và hiệu quả. Việc áp dụng biểu mẫu này mang lại nhiều lợi ích thiết thực, bao gồm tăng cường tính minh bạch, tạo ra một nguồn tham chiếu đáng tin cậy cho cộng đồng doanh nghiệp, hỗ trợ hợp tác chống gian lận xuất xứ, và giúp cho dòng chảy thương mại diễn ra suôn sẻ hơn.

TẦM NHÌN TƯƠNG LAI VÀ ĐỀ XUẤT CỦA VIỆT NAM

Với vị thế là một nền kinh tế hội nhập sâu rộng, đã và đang tham gia 19 Hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam nhận thấy rằng hầu hết các Thành viên WTO cũng đang tích cực tham gia vào các FTA. Từ thực tiễn này, Việt Nam đã đưa ra một đề xuất quan trọng: Ủy ban về Quy tắc Xuất xứ nên xem xét cả việc thông báo các quy tắc xuất xứ ưu đãi trong khuôn khổ các FTA.

Cuối cùng, Việt Nam tái khẳng định cam kết mạnh mẽ của mình đối với một hệ thống thương mại công bằng, minh bạch và hiệu quả.

Nguồn: Tbt.gov.vn

Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI

| STT | NƯỚC THÔNG BÁO | SẢN PHẨM/ VẤN ĐỀ THÔNG BÁO |
|--|----------------|---|
| DANH MỤC THÔNG BÁO DỰ THẢO MỚI VỀ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT CỦA NƯỚC THÀNH VIÊN WTO BAN HÀNH TRONG QUÝ IV/2025 | | |
| 1 | Ấn Độ | Thiết bị điều khiển giao thông, Cáp quang, Viễn thông. |
| 2 | Ả rập xê út | Dầu thực vật, Viễn thông, Thực phẩm, Rau củ quả, Phụ gia thực phẩm, Bao bì thực phẩm, Thức ăn thủy hải sản, Vận chuyển thực phẩm, Hoá chất và chất có hại, Vệ sinh dịch tễ, Năng lượng |
| 3 | Ai Cập | Thực phẩm, Luyện kim, Cơ khí, PCCC, Dệt may, Đồ chơi, Dây cáp, Thiết bị công nghiệp, Bao bì, Thiết bị điện gia dụng, Dệt may, Hóa chất, Mắt kính, An toàn điện, VLXD. |
| 4 | Australia | Ghi nhãn, Xe đạp, Chứng nhận ghi dấu, Xe mô tô, Ghế an toàn trẻ em. |
| 5 | Brazil | Công nghệ thực phẩm, Nước giải khát, Phụ gia thực phẩm, Cầu đường, Thực phẩm, Thiết bị điện, Đồng hồ điện, VLXD, Phân bón, Dược phẩm. |
| 6 | Burundi | Cà phê, Luyện kim, Ống thép, Bể chứa, Nước sạch, Ngũ cốc, Thuốc trừ sâu, Thực phẩm, Hoá chất, Mỹ phẩm, Gia vị, Ngũ cốc, Bao bì thực phẩm, Dụng cụ nhà bếp, Dụng cụ cơ khí, Dầu thực vật, Sữa. |
| 7 | Ca na đa | Thực phẩm đóng gói, Dược phẩm, Viễn thông, Rau củ quả, Xe mô tô, Viễn thông. |
| 8 | Chi lê | Vật liệu xây dựng, Viễn thông, Dược phẩm, Thuốc lá, Thiết bị điện, Chất khử trùng, Đèn chiếu sáng đô thị. |
| 9 | CH Séc | Đồng hồ nước, Năng lượng nguyên tử, Hóa chất. |
| 10 | Colombia | Băng dính, Đồng hồ khí gas, Phương tiện giao thông, Đồng hồ nước, Đồng hồ điện. |
| 11 | Costa Rica | Nông sản, Thiết bị điện gia dụng, Ghi nhãn. |
| 12 | Đài Loan | Phương tiện giao thông, Thực phẩm, Thiết bị cầm tay, Hoá chất, Pin, Điện năng, Đèn chiếu sáng, Thuyền đánh cá, An ninh mạng. |
| 13 | Đan Mạch | Thiết bị điện gia dụng, Phương tiện giao thông. |
| 14 | Ecuador | Vật liệu xây dựng, An toàn vệ sinh, An toàn thực phẩm, Thiết bị điện, Bảo vệ môi trường, Thiết bị y tế, Dược phẩm. |
| 15 | El Salvador | Thực phẩm đóng gói. |
| 16 | Guyana | Giấy vệ sinh, Phương tiện giao thông, Lốp xe. |
| 17 | Hàn Quốc | Thiết bị y tế, Thực phẩm, Dược phẩm, Thuốc lá, Mỹ phẩm, Viễn thông. |
| 18 | Hoa Kỳ | Thiết bị điện gia dụng, Máy móc công nghiệp, Viễn thông, Năng lượng nguyên tử, Phương tiện giao thông, Thực phẩm đóng gói, Hoá chất, |

| | | |
|----|-------------------|--|
| | | Thuốc lá, Đồ uống có cồn, Bảo vệ môi trường. |
| 19 | Honduras | VLXD. |
| 20 | Indonesia | Thực phẩm, Thủ tục đánh giá sự phù hợp, Sản phẩm Halal. |
| 21 | Israel | Thiết bị điện gia dụng, Thực phẩm ăn kiêng. |
| 22 | Jordan | Vật liệu xây dựng, Kẹo ngọt, An toàn thực phẩm, Dệt may. |
| 23 | Kenya | Dệt may, Cà phê, Luyện kim, Ống thép, Bể chứa, Nước sạch, Ngũ cốc, Thuốc trừ sâu, Thực phẩm, Ghi nhãn sinh thái, Dệt may, Chăn nuôi gia súc, Thủy sản, Hạt giống cây trồng, Hoá chất, Mỹ phẩm, Gia vị, Bao bì thực phẩm, Dụng cụ nhà bếp, Dụng cụ cơ khí, Dầu thực vật, Sữa, Rau củ quả. |
| 24 | Liên minh châu Âu | Thiết bị thu phát sóng, Sinh hoá phẩm, Phân bón, Hoá chất, Thuốc trừ sâu, Viễn thông, Thực phẩm |
| 25 | Malaysia | Thực phẩm. |
| 26 | Mexico | Thiết bị điện gia dụng, Ghi nhãn, Lò sưởi, Phân phối và vận chuyển dầu khí. |
| 27 | Nam Phi | Thiết bị lặn biển |
| 28 | New Zealand | Ghi nhãn, Thiết bị điện. |
| 29 | Nhật Bản | Viễn thông, Hóa chất, Phương tiện giao thông, Phụ gia thực phẩm, Dược phẩm, Bao bì thực phẩm, Thiết bị y tế. |
| 30 | Nga | Dược phẩm, An toàn thực phẩm. |
| 31 | Oman | Thực phẩm ăn kiêng, Dầu thực vật, Viễn thông, Thuốc lá, Nước giải khát, Thực phẩm, Rau củ quả, Phụ gia thực phẩm, Bao bì thực phẩm, Thức ăn thủy hải sản, Vận chuyển thực phẩm, Hoá chất và chất có hại. |
| 32 | Paraguay | Thực phẩm, Nước giải khát. |
| 33 | Peru | Phương tiện giao thông, Hóa chất, Vật liệu xây dựng, Dầu thực vật, Đồ chơi. |
| 34 | Pháp | Dệt may |
| 35 | Philippines | Vật liệu xây dựng. |
| 36 | Qatar | Thực phẩm ăn kiêng, Dầu thực vật, Viễn thông, Thực phẩm, Rau củ quả, Phụ gia thực phẩm, Bao bì thực phẩm, Thức ăn thủy hải sản, Vận chuyển thực phẩm, Hoá chất và chất có hại. |
| 37 | Rwanda | Cà phê, Luyện kim, Ống thép, Bể chứa, Nước sạch, Ngũ cốc, Thuốc trừ sâu, Thực phẩm, Phân bón, Hoá chất, Mỹ phẩm, Gia vị, Bao bì thực phẩm, Dụng cụ nhà bếp, Dụng cụ cơ khí, Dầu thực vật, Sữa. |
| 38 | Senegal | Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. |
| 39 | Singapore | Hóa chất. |
| 40 | Tanzania | Cà phê, Luyện kim, Ống thép, Bể chứa, Dệt may, Nước sạch, Ngũ cốc, Thuốc trừ sâu, Thực phẩm, Hoá chất, Mỹ phẩm, Gia vị, Bao bì thực |

| | | |
|----|----------------|--|
| | | phẩm, Dụng cụ nhà bếp, Dụng cụ cơ khí, Dầu thực vật, Sữa. |
| 41 | Tây Ban Nha | Mỹ phẩm, Thực phẩm. |
| 42 | Thái Lan | Xe điện, Dệt may, Năng lượng mặt trời, Khí thải, Hóa chất, PCCC, Dược phẩm, Lốp xe, Cao su. |
| 43 | Thổ Nhĩ Kỳ | Thực phẩm, Thiết bị điện gia dụng, Ô nhiễm tiếng ồn. |
| 44 | Thụy Sĩ | Viễn thông, Thiết bị điện gia dụng, Thực phẩm biến đổi gen (GMO). |
| 45 | Trung Quốc | Xe điện, Thiết bị y tế, Thức ăn thú nuôi, Thép không gỉ, Dầu nhớt, PCCC, Hoá chất, Dược phẩm, Thiết bị điện, Phương tiện giao thông, Thực phẩm, Thiết bị quang điện. |
| 46 | Uganda | Hoá chất, Mỹ phẩm, Gia vị, Ngũ cốc, Bao bì thực phẩm, Dụng cụ nhà bếp, Dụng cụ cơ khí, Dầu thực vật, Sữa, Dệt may, Văn phòng phẩm. |
| 47 | Ukraine | Điện năng, Viễn thông, Dược phẩm, Hạt giống, Phương tiện giao thông, Nhiên liệu, Thực phẩm, Thiết bị y tế, Hóa chất, Chất khử trùng. |
| 48 | Uruguay | Mỹ phẩm, Ngũ cốc, Hóa chất, Bao bì ghi nhãn. |
| 49 | Vương quốc Anh | Nước giải khát, Hóa chất. |
| 50 | Việt Nam | Mỹ phẩm, Giao thông đường sắt, Thuốc nổ công nghiệp, Hóa chất, Dịch vụ viễn thông, Viễn thông. |
| 51 | Yemen | Dầu thực vật, Viễn thông, Rau củ quả, Phụ gia thực phẩm, Bao bì thực phẩm, Thức ăn thủy hải sản, Vận chuyển thực phẩm, Hoá chất và chất có hại. |

Trên đây là danh sách thông báo dự thảo mới về tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước thành viên WTO ban hành trong Quý IV/2025, doanh nghiệp cần chú ý. Quý doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đến các dự thảo này vui lòng liên hệ về Ban Biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được hỗ trợ bản dự thảo đầy đủ.

THÔNG BÁO VỀ BIỆN PHÁP TBT CỦA MỘT SỐ NƯỚC THÀNH VIÊN WTO DOANH NGHIỆP CẦN CHÚ Ý

1. Dự thảo Nghị định Quy định về quản lý mỹ phẩm của Việt Nam

Ngày 04/9/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Nghị định Quy định về quản lý mỹ phẩm do Bộ Y tế xây dựng.

Dự thảo Nghị định gồm 10 chương và 60 điều, thiết lập một khuôn khổ pháp lý toàn diện cho việc quản lý mỹ phẩm. Nghị định đưa ra các quy định chi tiết về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mỹ phẩm, cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) và các yêu cầu đối với Hồ sơ thông tin sản phẩm (PIF), ghi nhãn và quảng cáo theo hướng dẫn của ASEAN và Luật Quảng cáo trong nước hiện hành. Nghị định cũng giới thiệu các thủ tục trực tuyến để thông báo sản phẩm và lưu trữ hồ sơ. Bên cạnh đó, Nghị định còn quy định về kiểm tra và giám sát an toàn và chất lượng mỹ phẩm, bao gồm cả việc xem xét hồ sơ, lấy mẫu sản phẩm và thử nghiệm.



Ảnh sưu tầm minh họa

Nghị định quy định các trường hợp mỹ phẩm có thể bị đình chỉ, thu hồi hoặc tiêu hủy và nêu rõ các biện pháp xử lý các sản phẩm không tuân thủ. Cuối cùng, Nghị định phân công trách nhiệm của các bộ, cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc thực hiện, quy định về điều khoản chuyển tiếp, thời điểm có hiệu lực và cơ chế thực thi.

Dự thảo dự kiến ban hành ngày 04/11/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 03/11/2025 để tham gia đóng góp ý kiến.

2. Cảnh báo dự thảo quy định của EU về chất hoạt tính thuốc trừ sâu

Ngày 1/10/2025, EU đã gửi thông báo TBT (mã G/TBT/N/EU/1162) lấy ý kiến của các nước thành viên WTO về việc nước này đang sửa đổi Quy định số 283/2013 của EU liên quan tới thông tin về chất hoạt tính phải nộp. EU cho biết Dự thảo lần này sẽ bao gồm các sửa đổi đối với Phụ lục của Quy định số 283/2013 và đưa ra các yêu cầu về dữ liệu đối với chất hoạt tính trong các sản phẩm bảo vệ thực vật.

Dự thảo Quy định này của EU nhằm mục đích sửa đổi yêu cầu dữ liệu đối với đơn xin phê duyệt các hoạt chất theo Quy định của Ủy ban (EU) 283/2013 để phù hợp với tiến bộ khoa học và kỹ thuật và với các yêu cầu thử nghiệm trong các luật khác (ví dụ: REACH). Theo đó, Dự thảo yêu cầu bổ sung báo cáo thử nghiệm đối với quá trình xử lý nước.

Thời gian đóng góp ý kiến đối với Dự thảo sẽ kết thúc vào ngày 30/11/2025.



Ảnh sưu tầm minh họa

3. Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Việt Nam

Ngày 20/10/2025, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về yêu cầu đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng.

Dự thảo QCVN quy định các yêu cầu kỹ thuật, bảo mật và yêu cầu vận hành đối với dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng, bao gồm:

- Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình chữ ký số trên thiết bị lưu trữ khóa bí mật sử dụng thiết bị phần cứng;
- Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình từ xa;
- Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình chữ ký số trên thiết bị di động.



Ảnh sưu tầm minh họa

Dự thảo QCVN này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng tại Việt Nam. Việc đánh giá sự phù hợp được thực hiện theo Phương thức số 6 (đánh giá hệ thống quản lý) theo Thông tư 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư quy định về hoạt động kiểm toán kỹ thuật đối với dịch vụ tin cậy. Nhà cung cấp dịch vụ phải thực hiện kiểm toán kỹ thuật định kỳ và chịu sự giám sát, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

Dự thảo dự kiến ban hành ngày 01/01/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/6/2026. Các nước Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 19/11/2025 để tham gia đóng góp ý kiến.

Trên đây là các thông báo dự thảo mới doanh nghiệp cần chú ý. Quý doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đến các dự thảo này vui lòng liên hệ Ban Biên tập Bản tin TBT Ninh Bình để được hỗ trợ.

Chuyên mục: HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM
MỚI BAN HÀNH QUÝ IV/2025 (Doanh nghiệp cần chú ý)**

| Số ký hiệu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành | Trích yếu |
|------------------------------|---------------|------------------|--|
| Nghị định số 205/2025/NĐ-CP | 14/7/2025 | Chính phủ | Sửa đổi Nghị định 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ |
| Nghị định số 206/2025/NĐ-CP | 15/7/2025 | Chính phủ | Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại giữa Việt Nam - Lào giai đoạn 2025-2030 |
| Nghị định số 210/2025/NĐ-CP | 21/7/2025 | Chính phủ | Sửa đổi Nghị định 38/2018/NĐ-CP hướng dẫn về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo |
| Nghị định số 232/2025/NĐ-CP | 26/8/2025 | Chính phủ | Sửa đổi Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng |
| Nghị định số 239/2025/NĐ-CP | 03/9/2025 | Chính phủ | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư |
| Nghị định số 240/2025/NĐ-CP | 03/9/2025 | Chính phủ | Quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ chính sách, đối ngoại quốc phòng |
| Nghị định số 241/2025/NĐ-CP | 10/9/2025 | Chính phủ | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường |
| Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg | 29/9/2025 | Chính phủ | Về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
| Quyết định số 2164/QĐ-TTg | 30/9/2025 | Chính phủ | Về Kế hoạch thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Việt Nam và Campuchia giai đoạn 2025 - 2026 |
| Nghị định số 259/2025/NĐ-CP | 10/10/2025 | Chính phủ | Về kiểm soát thương mại chiến lược |
| Nghị định số 268/2025/NĐ-CP | 14/10/2025 | Chính phủ | Hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo |
| Nghị định số 267/2025/NĐ-CP | 14/10/2025 | Chính phủ | Hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo |
| Nghị định số 263/2025/NĐ-CP | 14/10/2025 | Chính phủ | Hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của |

| | | | |
|-----------------------------|-----------|--------------------------|--|
| | | | tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo |
| Quyết định số 2021/QĐ-BKHCN | 04/8/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14135-1:2025, Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 1: Lấy mẫu, TCVN 14135-2:2025, Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 2: Rút gọn mẫu đến kích cỡ mẫu thử, TCVN 14135-3:2025, Cốt liệu dùng trong xây dựng đường bộ – Phương pháp thử – Phần 3: Xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu có trong cốt liệu |
| Quyết định số 2070/QĐ-BKHCN | 05/8/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14394-1:2025, Thử nghiệm chịu lửa – Van ngăn cháy cho hệ thống phân phối không khí – Phần 1: Van ngăn cháy cơ khí, TCVN 14394-2:2025, Thử nghiệm chịu lửa – Van ngăn cháy cho hệ thống phân phối không khí – Phần 2: Van ngăn cháy trương phồng |
| Quyết định số 2184/QĐ-BKHCN | 13/8/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14341:2025, Luồng đường thủy nội địa – Yêu cầu thiết kế công trình chỉnh trị |
| Quyết định số 2239/QĐ-BKHCN | 16/8/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14332:2025, Thép không gỉ dùng làm linh kiện trong thiết bị điện và điện tử gia dụng |
| Quyết định số 2253/QĐ-BKHCN | 18/8/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 8818-1:2025, Nhựa đường lỏng - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật |
| Quyết định số 2775/QĐ-BKHCN | 18/9/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | công bố 08 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14387:2025, Phân bón – Định lượng nấm <i>Penicillium</i> spp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR), TCVN 14388:2025, Phân bón – Định lượng nấm <i>Aspergillus</i> spp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR), TCVN 14389:2025, Phân bón – Định lượng <i>Bacillus laterosporus</i> bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR), TCVN 14390:2025, Phân bón – Định lượng <i>Bacillus coagulans</i> bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR), TCVN 14391:2025, Phân bón – Định lượng <i>Bacillus mycoides</i> bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR) kết |

| | | | |
|------------------------------------|-------------------|---------------------------------|--|
| | | | <p>hợp giải trình tự gen, TCVN 14392:2025,Phân bón – Định lượng <i>Bacillus licheniformis</i> bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR), TCVN 14470:2025,Phân bón – Xác định hàm lượng axit salicylic bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), TCVN 14471:2025,Phân bón – Xác định hàm lượng axit lactic bằng phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử</p> |
| <p>Quyết định số 2858/QĐ-BKHCN</p> | <p>23/9/2025</p> | <p>Bộ Khoa học và Công nghệ</p> | <p>công bố 06 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14419:2025,Lập bản đồ địa chất công trình – Yêu cầu chung trong điều tra cơ bản địa chất, TCVN 14420:2025,Lập bản đồ địa chất công trình – Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản, TCVN 14421:2025,Lập bản đồ địa chất thủy văn – Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản, TCVN 14422-1:2025,Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 – Phần 1: Yêu cầu chung, TCVN 14422-2:2025,Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 – Phần 2: Các giai đoạn thực hiện, TCVN 14422-3:2025,Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 – Phần 3: Thành lập các loại bản đồ, TCVN 14422-4:2025,Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 – Phần 4: Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</p> |
| <p>Quyết định số 2907/QĐ-BKHCN</p> | <p>27/9/2025</p> | <p>Bộ Khoa học và Công nghệ</p> | <p>công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 14499-2-201:2025,Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 2-201: Thông số kỹ thuật và phương pháp thử – Rà soát thử nghiệm hệ thống lưu trữ điện năng sử dụng các pin chuyên đổi mục đích sử dụng và pin tái sử dụng, TCVN 14499-3-200:2025,Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 3-200: Hoạch định và đánh giá tính năng của hệ thống lưu trữ điện năng – Nguyên tắc thiết kế hệ thống EES điện hóa, TCVN 14499-4-200:2025,Hệ thống lưu trữ điện năng – Phần 4-200: Hướng dẫn các vấn đề về môi trường – Đánh giá phát thải khí nhà kính (GHG) từ hệ thống lưu trữ điện năng (EES).</p> |
| <p>Thông tư số 26/2025/BKHCN</p> | <p>31/10/2025</p> | <p>Bộ Khoa học và Công nghệ</p> | <p>quy định việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu và thực hiện hoạt động gia công hàng</p> |

| | | | |
|------------------------------|------------|------------------------------|---|
| | | | hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân ở nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài |
| Thông tư số 29/2025/BKHCN | 13/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ |
| Thông tư số 30/2025/BKHCN | 14/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Thông tư Ban hành tiêu chí đối với dây chuyền công nghệ, thiết bị, máy móc, công cụ đã qua sử dụng được nhập khẩu phục vụ trực tiếp dự án sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn và hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số |
| Thông tư số 32/2025/BKHCN | 15/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển |
| Thông tư số 33/2025/BKHCN | 15/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Quy định tiêu chí doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp |
| Văn bản số 7181/BKHCN-TĐC | 29/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ Blockchain, trí tuệ nhân tạo, nền tảng dữ liệu, an toàn thông tin và an ninh mạng |
| Văn bản số 7182/BKHCN-TĐC | 29/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về ICT phục vụ phát triển đô thị thông minh. |
| Thông tư số 57/2025/TT-BNNMT | 11/9/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Ban hành 02 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá QCVN 91:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên. QCVN 92:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 24 mét |
| Thông tư 59/2025/TT-BNNMT | 18/9/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000 |
| Thông tư số 67/2025/TT-BNNMT | 24/11/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản |
| Thông tư số 48/2025/TT-BCT | 03/9/2025 | Bộ Công Thương | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương xác nhận hạn ngạch thuế quan đối với mật ong tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản theo Hiệp định giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế |

| | | | |
|-------------------------------|------------|---------------------|--|
| Thông tư số 49/2025/TT-BCT | 09/9/2025 | Bộ Công Thương | Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa Chính phủ các Nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc |
| Thông tư số 52/2025/TT-BCT | 14/11/2025 | Bộ Công Thương | Quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng thuộc phạm vi quản lý và lộ trình thực hiện của Bộ Công Thương. |
| Thông tư số 55/2025/TT-BCT | 28/11/2025 | Bộ Công Thương | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| Thông tư số 61/2025/TT-BCT | 02/12/2025 | Bộ Công Thương | Quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2025 - 2030 |
| Thông tư số 26/2025/TT-BXD | 30/9/2025 | Bộ Xây dựng | Sửa đổi Thông tư 37/2023/TT-BGTVT về quản lý hoạt động vận tải đường bộ qua biên giới |
| Quyết định số 557/QĐ-QLD | 16/10/2025 | Cục Quản lý Dược | Về Danh mục 80 thuốc nước ngoài được cấp, gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 125 bổ sung |
| Quyết định số 628/QĐ-QLD | 31/10/2025 | Cục Quản lý Dược | Về Danh mục 14 vắc xin, sinh phẩm được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 57 |

KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG VÀNG TRANG SỨC, MỸ NGHỆ

Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-SKHHCN ngày 19/9/2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt kế hoạch kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng năm 2025. Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng đã ban hành Quyết định số 113/QĐ-TĐC ngày 07/10/2025 và Quyết định số 140/QĐ-TĐC ngày 21/10/2025 về việc kiểm tra nhà nước về đo lường, chất lượng vàng, trang sức mỹ nghệ (TSMN) tại một số xã, phường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Từ ngày 13/10/2025 đến ngày 29/10/2025, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng (Chi cục) đã tiến hành kiểm tra tại 34 cơ sở trên địa bàn một số xã, phường của tỉnh Ninh Bình theo kế hoạch, trong đó có 27/34 cơ sở đang hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng, trang sức, mỹ nghệ và 07/34 cơ sở đã ngừng hoạt động kinh doanh hoặc đóng cửa.

Kết quả kiểm tra:

Về đo lường: kiểm tra 31 phương tiện đo của 27 cơ sở, có 25/31 phương tiện đo (cân kỹ thuật, cân phân tích) được sử dụng để xác định khối lượng vàng trong mua bán tại 27 cơ sở đã được kiểm định và có chứng chỉ kiểm định còn thời hạn giá trị; có phạm vi đo và độ chính xác phù hợp với khối lượng vàng cần đo, có mức cân phù hợp với giá trị độ chia kiểm (e) theo quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; 04/31 cân kỹ thuật màn hình không hiển thị (theo báo cáo của doanh nghiệp, cân đang bị hỏng, chờ sửa chữa); 02/31 cân kỹ thuật đã hết hạn kiểm định (theo báo cáo của các cơ sở có cân hết hạn kiểm định, cơ sở không sử dụng trong mục đích mua bán, giao nhận và đã liên hệ với Trung tâm đo lường và thử nghiệm để thực hiện kiểm định cân), Chi cục đã yêu cầu cơ sở chấp hành đúng quy định về đo lường khi sử dụng phương tiện đo.

- Kiểm tra xác xuất 53 sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ tại doanh nghiệp, kết quả đều có khối lượng vàng phù hợp với khối lượng công bố và phép đo khối lượng vàng đều đạt yêu cầu về giới hạn sai số của phép đo khối lượng vàng theo quy định.

Về việc xây dựng và lưu giữ hồ sơ chất lượng: Tại thời điểm kiểm tra có 17 cơ sở có hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ. Kết quả 16/17 cơ sở đã xuất trình được tiêu chuẩn cơ sở và phiếu kết quả thử nghiệm áp dụng đối với các sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ do doanh nghiệp sản xuất, chế tác và lưu giữ đầy đủ hồ sơ chất lượng đối với các sản phẩm đang kinh doanh theo quy định tại Thông tư 22/2013/TT-BKHCN. Tuy nhiên, có 02 cơ sở sản xuất đang sử dụng tiêu chuẩn cơ sở có nội dung không còn phù hợp với quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN và 01/17 cơ sở không xuất trình được tiêu chuẩn cơ sở cho Đoàn kiểm tra. Chi cục đã yêu cầu các cơ sở bổ sung, công bố lại các TCCS và gửi báo cáo khắc phục đúng thời hạn theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra. Các doanh nghiệp đều thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ bằng hình thức công bố chủ yếu là trên nhãn hàng hóa hoặc trên giấy đảm bảo vàng khi giao nhận với khách hàng.

Về chất lượng: Các doanh nghiệp sản xuất chủ yếu sản xuất nhẫn tròn trơn hàm lượng vàng 24K; các sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ khác (kiềng cổ, lắc tay, dây chuyền, mặt dây chuyền, nhẫn đính đá...) được các cơ sở nhập từ các đơn vị như: công ty TNHH kinh doanh vàng bạc Kim Ngân, công ty TNHH vàng bạc Tú Bình, công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú

Nhuận (PNJ), tập đoàn vàng bạc đá quý Doji, công ty TNHH kinh doanh vàng bạc Thanh Danh, công ty TNHH trang sức vàng bạc Phương Đông, công ty TNHH thương mại vàng bạc Kim Châu...

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra nhanh hàm lượng vàng bằng máy phân tích huỳnh quang tia X HORIBA MESA-50 đối với 74 mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ của 27 cơ sở (đoàn đã tiến hành kiểm tra 02 vị trí/01 mẫu gồm 01 vị trí đóng ký hiệu của nhà sản xuất và 01 vị trí bất kỳ trên sản phẩm). Kết quả, 74/74 mẫu vàng trang sức, mỹ nghệ có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, thông tin trên nhãn theo yêu cầu chất lượng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ.

Về ghi nhãn hàng hóa: Qua kiểm tra thực tế, các sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ (nhẫn tròn trơn, lắc tay, kiềng cổ, dây chuyền...) tại các cơ sở, hầu hết các sản phẩm đều ghi nhãn đầy đủ các thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa (Tên hàng hóa, tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa, hàm lượng vàng, khối lượng vàng, mã ký hiệu sản phẩm). Thông tin in trực tiếp trên sản phẩm đầy đủ theo quy định gồm ký hiệu nhà sản xuất, hàm lượng vàng và ký hiệu sản phẩm.

- Có 03 cơ sở kinh doanh một số sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ là sản phẩm đã qua mua bán, trao đổi có nhãn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa (không ghi tên hàng hóa, tên và địa chỉ của nhà sản xuất).

Chi cục đã yêu cầu 03 cơ sở bổ sung thông tin trên nhãn và báo cáo khắc phục đúng thời hạn theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

Sau nhiều đợt kiểm tra, khảo sát; tuyên truyền và hướng dẫn, đến nay nhiều cơ sở đã thực hiện rất tốt các quy định về đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ:

- Các doanh nghiệp đã trang bị cân để xác định khối lượng vàng trong mua bán đã được kiểm định và còn thời hạn kiểm định; có phạm vi đo và độ chính xác phù hợp với khối lượng vàng cân đo, có mức cân phù hợp với giá trị độ chia kiểm (e) theo quy định.

- Các doanh nghiệp đã xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở áp dụng và lưu giữ đầy đủ hồ sơ chất lượng cho các sản phẩm đang sản xuất, chế tác và kinh doanh. Kết quả kiểm tra chất lượng và khối lượng đối với các mẫu vàng tại các doanh nghiệp đều đạt yêu cầu theo quy định về đo lường và chất lượng; hầu hết các sản phẩm được ghi nhãn đầy đủ thông tin theo quy định.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số ít cơ sở hiểu không đúng và thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật: kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ có ghi nhãn không đầy đủ nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa; gắn thêm nhãn hàng hóa có thông tin của doanh nghiệp kinh doanh và xóa bớt thông tin của nhà sản xuất; không công bố lại tiêu chuẩn cơ sở khi văn bản pháp luật có thay đổi...

Để khắc phục các tồn tại, vướng mắc nêu trên trong thời gian tới Chi cục sẽ thường xuyên tổ chức hội thảo chuyên sâu trong từng lĩnh vực về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và nhãn hàng hóa. Tập trung tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn những nội dung trọng tâm, trọng điểm về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng, quản lý chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ lưu thông trên thị trường và ghi nhãn hàng hóa./.

Phạm Văn Thái- Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ ĐO LƯỜNG TẠI CÁC CƠ SỞ SỬ DỤNG CÂN Ô TÔ

Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-SKHHCN ngày 19/9/2025 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, từ ngày 05 – 06/11/2025, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình đã tiến hành kiểm tra chuyên ngành về đo lường tại hai cơ sở khai thác đá có sử dụng cân ô tô trên địa bàn tỉnh. Đoàn Kiểm tra do đồng chí Phạm Anh Tuấn, Phó Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng, làm Trưởng đoàn.



Đoàn Kiểm tra của Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình làm việc tại cơ sở sử dụng cân ô tô

Trong quá trình kiểm tra, Đoàn Kiểm tra ghi nhận tại hai cơ sở đang sử dụng 2 cân ô tô phục vụ sản xuất, kinh doanh. Kết quả kiểm tra cho thấy:

- Phê duyệt mẫu: 100% (02/02) cân ô tô có hồ sơ phê duyệt mẫu phương tiện đo nhóm 2 theo quy định hiện hành.

- Kỹ thuật đo lường: 02 cân ô tô đều đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường theo ĐLVN 13:2019.

- Tình trạng kiểm định: Một cân ô tô đã được kiểm định và còn thời hạn hiệu lực; một cân ô tô chưa được kiểm định theo quy định. Đoàn Kiểm tra đã yêu cầu tạm dừng sử dụng cân chưa kiểm định để khẩn trương thực hiện kiểm định. Hiện cơ sở đã có báo cáo khắc phục gửi về Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng.



Kiểm tra đo lường tại cơ sở sử dụng cân ô tô

Những kết quả trên cho thấy, hoạt động sử dụng cân ô tô tại các cơ sở khai thác đá trên địa bàn vẫn còn những tồn tại, đặc biệt trong việc duy trì kiểm định định kỳ đối với phương tiện đo nhóm 2. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính minh bạch, chính xác trong hoạt động đo lường và tiềm ẩn nguy cơ thất thu thuế, gây ảnh hưởng quyền lợi người tiêu dùng. Thời gian tới, các cơ quan quản lý nhà nước sẽ tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn và phổ biến quy định pháp luật về đo lường; đồng thời giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Việc nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng phương tiện đo theo đúng quy định sẽ góp phần quan trọng vào việc bảo đảm trật tự, kỷ cương trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh./.

Phạm Sao - Phòng Quản lý Đo lường

HỘI NGHỊ TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN VỀ GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH VỀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC, MÃ SỐ MÃ VẠCH NĂM 2025

Ngày 12/12/2025, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng tổ chức Hội nghị tập huấn về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và hướng dẫn áp dụng các quy định về truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch. Tham dự hội nghị có đồng chí Nguyễn Toàn Thắng - Phó Giám đốc Sở KH&CN Ninh Bình, các đồng chí Lãnh đạo Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình; Đại diện Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, đại diện các xã/phường Phù Vân, Lê Hồ, Bắc Lý,... và đại diện các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.



Đồng chí Nguyễn Toàn Thắng - Phó Giám đốc Sở KH&CN Ninh Bình phát biểu khai mạc tại Hội nghị

Tại Hội nghị, các chuyên gia của Công ty Cổ phần Tư vấn Giải pháp Công nghệ Thương Tín đã trình bày các văn bản về Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, làm rõ mục đích, ý nghĩa của Giải thưởng trong việc khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp không ngừng cải tiến năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời phân tích các tiêu chí đánh giá, điều kiện tham gia, quy trình đăng ký, xét tặng và những lợi ích thiết thực mà doanh nghiệp đạt được khi tham gia Giải thưởng.

Bên cạnh đó, Hội nghị đã tập trung phổ biến các quy định pháp luật về mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Các chuyên gia đã phân tích vai trò, ý nghĩa của việc áp dụng mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc trong công tác quản lý chất lượng, kiểm soát sản phẩm, minh bạch thông tin hàng hóa, phòng chống gian lận thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao uy tín, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp.



Toàn cảnh Hội nghị

Tại hội nghị các chuyên gia đã hướng dẫn cụ thể, chi tiết quy trình đăng ký sử dụng mã số mã vạch cho cơ sở; hướng dẫn triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn quốc gia, từ khâu xây dựng dữ liệu, thu thập thông tin trong quá trình sản xuất, lưu thông sản phẩm đến việc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống. Giới thiệu một số mô hình truy xuất nguồn gốc đã triển khai hiệu quả tại các địa phương và trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, để các tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, áp dụng phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

Sau khi nghe các nội dung trình bày, hướng dẫn của các giảng viên và chuyên gia, các đại biểu tham dự Hội nghị đã tham gia trao đổi, thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, tập trung vào những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện: nhận thức và năng lực triển khai của cơ sở; nguồn nhân lực, chi phí đầu tư ban đầu; việc xây dựng, cập nhật và quản lý dữ liệu truy xuất nguồn gốc; khả năng kết nối với công thông tin truy xuất Quốc gia,... Trên cơ sở các ý kiến trao đổi của đại biểu, các chuyên gia đã trực tiếp giải đáp, hướng dẫn cụ thể từng nội dung và đề xuất những giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của từng loại hình

tổ chức. Qua phần trao đổi, các vấn đề vướng mắc đã được tháo gỡ, giúp các đơn vị hiểu rõ hơn về quy trình, phương pháp triển khai để áp dụng hiệu quả trong thực tiễn.

Thông qua Hội nghị, các cơ sở đã được cập nhật các quy định pháp luật về giải thưởng Chất lượng Quốc gia và các quy định về truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch, góp phần nâng cao nhận thức, thúc đẩy việc áp dụng các công cụ quản lý chất lượng, tăng cường minh bạch thông tin sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường và người tiêu dùng./.

Đinh Thị Lan- Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng

HỘI NGHỊ TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN THÔNG TIN VỀ HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI NĂM 2025 TẠI TỈNH NINH BÌNH

Nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động kinh doanh, xuất khẩu hàng hóa tại địa phương có hiệu quả, đồng thời giúp các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có giải pháp đáp ứng về Hàng rào kỹ thuật thương mại (gọi tắt là TBT), quy định và cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Ngày 19/11/2025, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình phối hợp với Văn phòng TBT Việt Nam tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại năm 2025.

Tham dự và chỉ đạo Hội nghị có đồng chí Nguyễn Toàn Thắng- Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Ninh Bình; đồng chí Vũ Quốc Đạt - Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng; toàn thể công chức Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng; cùng với hơn 70 đại biểu là đại diện cho các sở, ngành, UBND các xã, phường và các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.



Đồng chí Nguyễn Toàn Thắng – Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu khai mạc Hội nghị

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo pháp luật Việt Nam, cụ thể theo Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ : “TBT (Technical Barriers to Trade) là hàng rào kỹ thuật trong thương mại được thể hiện dưới hình thức các biện pháp có tính kỹ thuật bắt buộc áp dụng để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được viện dẫn bắt buộc áp dụng trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành”.

Trong thương mại quốc tế, hàng rào kỹ thuật trong thương mại hay còn gọi là các "rào cản kỹ thuật đối với thương mại" là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình nhằm đánh giá sự phù hợp của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó (còn gọi là các biện pháp kỹ thuật - biện pháp TBT). Các biện pháp kỹ thuật này về nguyên tắc là cần thiết và hợp lý nhằm bảo vệ những lợi ích quan trọng như sức khỏe con người, môi trường, an ninh... Vì vậy, mỗi nước thành viên WTO đều thiết lập và duy trì một hệ thống các biện pháp kỹ thuật riêng đối với hàng hoá của mình và hàng hoá nhập khẩu.

Để đáp ứng các yêu cầu mới trong xu thế hội nhập hiện nay, theo đồng chí Nguyễn Toàn Thắng- Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ nhấn mạnh, chúng ta cần quan tâm hơn nữa đến việc phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về các hàng rào kỹ thuật thương mại đối với hàng hoá xuất khẩu, tích cực thực thi có hiệu quả cam kết trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Bên cạnh đó, đặc biệt lưu ý đến việc đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hàng hoá mà thị trường nhập khẩu yêu cầu. Đối với doanh nghiệp cũng cần chủ động trang bị cho mình kiến thức, thông tin và giải pháp cần thiết để vượt qua những rào cản, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại, tìm hiểu các thông tin về TBT của các quốc gia nhập khẩu để điều chỉnh hoạt động sản xuất của mình. Tăng cường khả năng cạnh tranh và có thể đáp ứng các yêu cầu của thị trường nhập khẩu; mở rộng, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước, giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức đa quốc gia. Đồng thời cần đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hoá xuất khẩu. Chủ động triển khai áp dụng các hệ thống quản lý tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe, môi trường; nghiên cứu và ứng dụng vào quá trình sản xuất các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm chuẩn hóa đầu ra theo yêu cầu từ phía các nước nhập khẩu.



Báo cáo viên đại diện Văn phòng TBT Việt Nam phổ biến thông tin về TBT

Tại Hội nghị, bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa - Phụ trách phòng Nghiệp Vụ, Văn phòng TBT Việt Nam có bài giới thiệu Tổng quan về TBT, tóm lược một số nội dung của Hiệp định TBT và các cam kết về TBT trong các Hiệp định FTAs thế hệ mới. Đồng thời giới thiệu về Hệ thống cảnh báo nhanh Safetygate về sản phẩm không phải thực phẩm của Liên Minh Châu Âu.

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về các hàng rào kỹ thuật thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu, ông Hoàng Công Duy - Chuyên viên phòng Nghiệp Vụ, Văn phòng TBT Việt Nam đã giới thiệu và hướng dẫn về Hệ thống cảnh báo ePing, xử lý thông báo và cảnh báo xuất khẩu có địa chỉ: <http://www.epingalert.org>, đây là hệ thống cảnh báo trực tuyến, quản lý thông báo và giải quyết các vấn đề về hàng rào kỹ thuật ngay từ bản dự thảo. Hệ thống này cho phép truy cập vào các thông báo về TBT và các Biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) của các thành viên WTO và hướng dẫn cách đăng ký, sử dụng tài khoản tại trang ePing. Đồng thời phân tích các yêu cầu về ghi nhãn đối với mặt hàng nông sản, thực phẩm tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm như: Liên minh Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc...

Thông qua Hội nghị, các báo cáo viên đã chia sẻ, cung cấp những thông tin, kiến thức về những vấn đề cốt lõi trong việc thực thi các cam kết về Hiệp định TBT của WTO. Đồng thời, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng và Văn phòng TBT Việt Nam đã giải đáp những ý kiến thắc mắc của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Từ đó giúp các đơn vị nhận thức, hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của Hàng rào kỹ thuật thương mại.



***Đồng chí Vũ Quốc Đạt- Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng
phát biểu bế mạc Hội nghị***

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng sẽ phối hợp với Văn phòng TBT Việt Nam, định kỳ hằng năm tổ chức chương trình tuyên truyền, phổ biến để kịp thời cung cấp thông tin và để đáp ứng nhu cầu hỏi đáp về TBT, bảo đảm thực thi các nghĩa vụ và cam kết quốc tế về TBT trong các Hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia ký kết đến các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh./.

Ngô Văn Nhung - Phòng Hành chính và TBT

HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN VỀ CAM KẾT HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI TẠI CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VÀ CÔNG CỤ MINH BẠCH HOÁ, KHAI THÁC THÔNG TIN VỀ TBT

Thực hiện Quyết định số 102/QĐ-TĐC ngày 30/9/2025, Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng Ninh Bình cử công chức tham gia đoàn công tác do ông Nguyễn Toàn Thắng - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình làm Trưởng đoàn tham dự hội nghị “Phổ biến về cam kết Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) tại các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và công cụ minh bạch hoá, khai thác thông tin về TBT” do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Ủy ban TĐC) phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Huế tổ chức ngày 03/10/2025 tại Thành phố Huế.

Thành phần tham dự hội nghị gồm các đại biểu đại diện Lãnh đạo Ủy ban TĐC, Lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng TBT Việt Nam; đại diện Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Lãnh đạo, chuyên viên làm công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng, TBT đến từ một số tỉnh, thành phố khu vực miền Trung và miền Bắc; thành viên một số điểm TBT và đại diện các doanh nghiệp tại địa phương. Chương trình hội nghị tập trung vào các nội dung cụ thể sau: Cập nhật tình hình thực hiện nghĩa vụ, cam kết của Việt Nam tại Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các Hiệp định FTA cùng tác động đến các doanh nghiệp; các quy định về TBT đối với sản phẩm nông sản xuất khẩu sang các thị trường trọng điểm và hướng dẫn sử dụng hệ thống ePing của WTO nhằm hỗ trợ minh bạch hóa, xử lý thông báo và cảnh báo TBT.

Phát biểu hội nghị, Lãnh đạo Ủy ban TĐC thông tin hiện tại Việt Nam đã tham gia hơn 17 FTA và đang tiến hành đàm phán, nâng cấp 05 FTA với nhiều đối tác song phương lẫn đa phương, trong đó có các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKVFTA ... vì vậy, việc thực hiện hiệu quả các cam kết TBT không chỉ giúp Việt Nam tuân thủ nghĩa vụ quốc tế mà còn thúc đẩy hoàn thiện thể chế tiêu chuẩn hóa, nâng cao năng lực quốc gia về chất lượng và năng suất, cho nên các cơ quan đầu mối TBT đang nỗ lực cập nhật thông báo và phản hồi hàng nghìn biện pháp TBT quốc tế, triển khai hệ thống ePing và các bản tin cảnh báo sớm để doanh nghiệp tiếp cận kịp thời thông tin về các quy định kỹ thuật mới của thị trường nhập khẩu, hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp trên phạm vi cả nước có nhu cầu tham gia thương mại quốc tế.

Báo cáo tại hội nghị, đại diện Văn phòng TBT Việt Nam nhấn mạnh vai trò minh bạch hóa và hài hòa tiêu chuẩn quốc tế trong việc thực thi các cam kết TBT. Theo đó, từ khi gia nhập WTO năm 2007, Việt Nam cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Hiệp định TBT mà không yêu cầu thời gian chuyển tiếp, thể hiện quyết tâm hội nhập mạnh mẽ và trách nhiệm cao trong hệ thống thương mại toàn cầu. Điểm cốt lõi là việc minh bạch hóa mọi biện pháp kỹ thuật (quy chuẩn, tiêu chuẩn, thủ tục đánh giá sự phù hợp) phải được thông báo sớm cho WTO và đối tác, tạo điều kiện để góp ý, điều chỉnh trước khi ban hành một nguyên tắc trọng tâm để tránh tạo rào cản thương mại không cần thiết.

Cũng theo báo cáo của đại diện Văn phòng TBT Việt Nam cho biết việc cập nhật các quy định về TBT đối với sản phẩm nông sản xuất khẩu sang các thị trường trọng điểm như Liên minh châu Âu (EU) là một vấn đề vô cùng quan trọng bởi đây là một thị trường lớn, có nhiều quy định quản lý hàng hóa nghiêm ngặt và các quy định kỹ thuật chặt chẽ mà đặc biệt là việc ghi nhãn hàng hóa. Điểm chung trong quy định về ghi nhãn của các thị trường này là đều đòi hỏi thông tin minh bạch về thành phần, dinh dưỡng và nguy cơ dị ứng. Tuy nhiên, ở thị trường

mỗi nước lại có những khác biệt rõ rệt về ngôn ngữ bắt buộc, định dạng bảng dinh dưỡng, quản lý các nội dung tuyên bố về công dụng, chức năng của thực phẩm và quy trình thực thi đối với hàng nhập khẩu. Mục tiêu EU đưa ra các quy định về ghi nhãn đối với các sản phẩm nhập khẩu nhằm cung cấp thông tin rõ ràng, trung thực, dễ hiểu cho người tiêu dùng, ngăn chặn thông tin gây hiểu lầm về bản chất, nguồn gốc, thành phần hoặc tác dụng của sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ thương mại công bằng trong thị trường chung. Theo đó, văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng chung và phổ biến nhất là Quy định (EU) số 1169/2011- Về việc cung cấp thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng. Đây là quy định tổng quan nhất cho tới thời điểm hiện tại, được sửa đổi, bổ sung và thay thế 09 văn bản quy phạm pháp luật trước đó của EU.

Quy định ghi nhãn thực phẩm, nông sản của Liên minh Châu Âu



Quy định về ghi nhãn thực phẩm, nông sản của Liên minh Châu Âu (EU)



1. Tên của thực phẩm: phải là tên hợp pháp của thực phẩm
2. Danh mục thành phần: Được quy định chi tiết tại Điều 18
3. Thành phần hoặc chất hỗ trợ chế biến gây dị ứng hoặc không dung nạp: Phụ lục II của Quy định (EU) số 1169/2011 bao gồm danh sách các chất hoặc sản phẩm thực phẩm gây dị ứng hoặc không dung nạp. Những chất đó được coi là chất gây dị ứng thực phẩm phổ biến nhất.

Quy định (EU) số 1169/2011

<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/HTML/?uri=CELEX:32011R1169> Activate Window Go to Settings to acti

Quy định số 1169/2011- về việc ghi nhãn thực phẩm, nông sản của Liên minh Châu Âu

Tại hội nghị, đại diện Văn phòng TBT Việt Nam đã giới thiệu và hướng dẫn sử dụng Hệ thống cảnh báo ePing, đây là một công cụ trực tuyến mạnh mẽ do WTO, Liên Hợp Quốc (UN) và Trung tâm thương mại thế giới (ITC) phát triển với nền tảng cung cấp thông tin về quá trình xây dựng các biện pháp Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) và Vệ sinh, kiểm dịch động thực vật (SPS) của các thành viên WTO. Đồng thời cũng là công cụ đối thoại xuyên quốc gia giữa các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề thương mại tiềm năng ngay từ giai đoạn sớm.

Hiện tại Hệ thống cảnh báo ePing có cả giao diện bằng tiếng Việt được cập nhật từ tháng 6/2024 cùng nhiều tính năng mới như: Bản dịch không chính thức; Thông báo và Quan ngại thương mại; Góp ý dự thảo biện pháp. EPing hỗ trợ mạng lưới TBT Việt Nam kịp thời nắm bắt thông tin và góp ý cho các dự thảo quy định của các nước thành viên WTO. Quy trình xử lý thông báo và cảnh báo xuất khẩu qua ePing đã được chuẩn hóa, giúp các đơn vị từ trung ương đến địa phương nghiên cứu, thu thập ý kiến và phản hồi kịp thời, hiệu quả.



Toàn cảnh Hội nghị Phổ biến về cam kết Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) tại các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và công cụ minh bạch hoá, khai thác thông tin về TBT

Có thể khẳng định, việc thực hiện hiệu quả các cam kết về TBT không chỉ là một nghĩa vụ của hội nhập kinh tế quốc tế mà còn là công cụ giúp cho các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, thúc đẩy tăng năng suất và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Những nội dung thiết thực của hội nghị đã trang bị kiến thức và công cụ cần thiết cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và các cá nhân có liên quan cập nhật kịp thời những thay đổi trong quy định và tiêu chuẩn quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu giúp doanh nghiệp Việt Nam chủ động thích ứng, vượt qua thách thức, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu và phát triển bền vững./.

Hà Trang Nhung – Phòng Hành chính và TBT

**TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY QUÝ IV NĂM
2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

(Từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 12 tháng 12 năm 2025)

| TT | Số tiếp nhận | Tên tổ chức, cá nhân công bố | Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường | Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật | Loại hình đánh giá | | Ngày hết hạn của Giấy chứng nhận |
|----|--------------|------------------------------|--|-------------------------------|----------------------------|--|----------------------------------|
| | | | | | Bên thứ nhất (tự đánh giá) | Bên thứ ba (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/được chỉ định) | |

I. CÔNG BỐ HỢP CHUẨN

| | | | | | | | |
|---|----------------------------|---|--|----------------|---|------------------------|------------|
| 1 | 104/TB-TĐC ngày 01/10/2025 | Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn Địa chỉ: TDP Hồng Sơn, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình | Xi măng poocs lăng xi lò cao (02 sản phẩm) | TCVN 4316:2007 | X | | 29/9/2028 |
| 2 | 207/TB-TĐC ngày 01/10/2025 | Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn Địa chỉ: TDP Hồng Sơn, phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình | Xi măng poocs lăng xi lò cao (02 sản phẩm) | TCVN 4316:2007 | | Viện vật liệu xây dựng | 27/10/2028 |

II. CÔNG BỐ HỢP QUY

| | | | | | | | |
|---|--|--|--|---|--|--|-----------|
| 1 | 118/TB-TĐC ngày 09/10/2025 | Công ty TNHH thép KYOEI Việt Nam Địa chỉ: Tổ 4 phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình | Thép làm cốt bê tông loại thép thanh vằn | QCVN 7:2019/BKHCN | | Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert | 24/9/2028 |
| 2 | 122/TB-TĐC; 123/TB-TĐC; 124/TB-TĐC; 125/TB-TĐC; 126/TB-TĐC; 127/TB-TĐC; 128/TB-TĐC và 129/TB-TĐC ngày 14/10/2025 | Công ty cổ phần điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam Địa chỉ: KCN Hòa Mạc, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình | Máy lọc nước; cây nóng lạnh; máy làm mát không khí; bếp điện từ đôi và bếp điện từ đơn (39 sản phẩm) | QCVN 4:2009/BKHCN và sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN | | Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng | 23/3/2028 |
| 3 | 144/TB-TĐC; 145/TB-TĐC; 146/TB-TĐC và 147/TB-TĐC ngày 21/10/2025 | Công ty TNHH thép KYOEI Việt Nam Địa chỉ: Tổ 4 phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình | Thép làm cốt bê tông loại thép thanh vằn, thép thanh tròn (09 sản phẩm) | QCVN 7:2019/BKHCN | | Trung tâm chứng nhận phù hợp Quacert | 31/7/2028 |
| 4 | 148/TB-TĐC và 149/TB-TĐC ngày 22/10/2025 | Công ty TNHH Camac Electronics Địa chỉ: Tân Lâm, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình | Máy sấy tóc; nồi chiên không dầu (06 sản phẩm) | QCVN 4:2009/BKHCN và sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN QCVN 9:2012/BKHCN và sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN | | Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng | 13/8/2028 |

| | | | | | | | |
|---|--|--|--|---|---|---|------------|
| 5 | 166/TB-TĐC và 167/TB-TĐC ngày 11/11/2025 | Công ty cổ phần điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam Địa chỉ: KCN Hòa Mạc, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình | Bếp điện từ đôi (08 sản phẩm) | QCVN 9:2012/BKHCN và sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN | | Công ty cổ phần phòng thử nghiệm Phúc Gia | 28/9/2028 |
| 6 | 222/TB-TĐC và 223/TB-TĐC ngày 11/12/2025 | Công ty TNHH Green Sun Hà Nam Địa chỉ: Thôn 5 Cát Lại, xã Bình Lục, tỉnh Ninh Bình | Pin Lithium (02 sản phẩm) | QCVN 101:2020/BTTTT | x | | 27/11/2028 |
| 7 | 224/TB-TĐC và 225/TB-TĐC ngày 15/12/2025 | Công ty cổ phần kỹ thuật dịch vụ Thành Công Địa chỉ: KCN Gián Khâu, xã Gia Trấn, tỉnh Ninh Bình | Dầu nhờn động cơ đốt trong 4T (05 sản phẩm) | QCVN 14:2018/BKHCN N và sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN N | | Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 | 01/12/2027 |
| 8 | 226/TB-TĐC ngày 15/12/2025 | Công ty TNHH Sản xuất Dây điện và Thiết bị điện Trần Phú Địa chỉ trụ sở: Thôn Nam Hưng, xã Nam Ninh, tỉnh Ninh Bình | Điện – Điện tử (13 sản phẩm) Dây điện bọc đẹt Cu/PVC/PV C. Nhãn hiệu: CADITP) | QCVN 4:2009/BKHCN VÀ sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN | | Trung tâm giám định và chứng nhận hợp quy Vietcert | 10/12/2027 |

Tổng số hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy đã tiếp nhận: 23 hồ sơ (02 hồ sơ công bố hợp chuẩn, 22 hồ sơ công bố hợp quy)

Đoàn Sỹ Hoàn- Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng

SƠ KẾT 5 NĂM TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 100: BƯỚC CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ CỦA TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Ngày 11/12/2025, tại Hà Nội đã diễn ra Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Đề án 100 của Chính phủ và Hội thảo “Truy xuất nguồn gốc – Nâng cao giá trị hàng hóa Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu” do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng quốc gia - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

Tham dự Hội nghị có: ông Lê Xuân Định - Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, ông Phạm Mạnh Hùng - Phó Tổng giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam (VOV), ông Ngô Thiệu Phong - Tổng Biên tập Báo Điện tử Tiếng nói Việt Nam, ông Nguyễn Nam Hải - Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ).



Ông Lê Xuân Định, Thứ trưởng Bộ KH&CN phát biểu định hướng tại Hội nghị

Trong 5 năm qua, triển khai Đề án 100 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động truy xuất nguồn gốc đã chuyển mình mạnh mẽ. Từ những bước đi ban đầu mang tính thí điểm, đến nay, hệ thống truy xuất nguồn gốc đã từng bước hình thành cơ sở hạ tầng dữ liệu thống nhất, kết nối nhiều bộ ngành, lan tỏa tới các địa phương và doanh nghiệp trong cả nước. Bước sang giai đoạn hội nhập sâu rộng, đặc biệt là khi các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản áp dụng các quy định mới về thiết kế sinh thái, hộ chiếu số sản phẩm, truy xuất nguồn gốc (TXNG) bắt buộc, Việt Nam càng cần khẳng định vị thế bằng các tiêu chuẩn tiên tiến, hệ thống dữ liệu tin cậy và năng lực kết nối chuỗi cung ứng mở - bền vững - số hóa. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để hàng hóa Việt Nam bước nhanh hơn, vững vàng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Định hướng nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030, đặt mục tiêu đưa truy xuất nguồn gốc trở thành công cụ trọng yếu trong quản lý chất lượng, chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế tuần hoàn”.



Ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, minh bạch thông tin sản phẩm và quản lý chất lượng hàng hóa đã trở thành yêu cầu tất yếu của thị trường. TXNG không chỉ là công cụ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực quản lý an toàn thực phẩm và chất lượng sản phẩm, mà còn là điều kiện tiên quyết để hàng hóa Việt Nam có thể tham gia hiệu quả vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, đáp ứng các quy định khắt khe của đối tác quốc tế. Qua 5 năm triển khai Đề án 100, hệ thống TXNG sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam đã đạt nhiều kết quả quan trọng, từng bước hình thành khung pháp lý, kỹ thuật và công nghệ, đồng thời mở rộng triển khai trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nổi bật vẫn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục để bảo đảm mục tiêu lâu dài.

Những bước tiến mới trong Đề án 100

Thứ nhất, với việc đã ban hành Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN và công bố 35 TCVN về TXNG, khung pháp lý và tiêu chuẩn đã được hoàn thiện ở mức độ cao. Đặc biệt, việc Quốc hội thông qua Luật số 78/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và Luật số 70/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật) đã nâng tầm TXNG từ mức quy định dưới luật lên thành cơ sở pháp lý có hiệu lực cao, tạo sự thống nhất và cam kết lâu dài.

Thứ hai, công tác chỉ đạo triển khai tại địa phương đạt phạm vi bao phủ toàn diện. Đến năm 2025, toàn bộ 34 tỉnh/thành phố mới sau sắp xếp đơn vị hành chính đều đã ban hành kế hoạch triển khai Đề án;

Thứ ba, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đã có kết quả cụ thể. Các chính sách hỗ trợ trực tiếp như cấp tem, mã QR và hỗ trợ kinh phí đã tạo động lực lan tỏa;

Thứ tư, công tác tuyên truyền, đào tạo được triển khai rộng khắp, đa dạng hình thức với trên 10.000 khóa đào tạo tập huấn thu hút trên 1 triệu lượt tham dự;

Thứ năm, hệ thống quản lý TXNG cấp tỉnh từng bước hình thành và kết nối với Công quốc gia. Đến năm 2025, khoảng 35 địa phương cũ (24 tỉnh/thành mới) đã xây dựng hệ thống TXNG cấp tỉnh.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả quan trọng, quá trình triển khai Đề án 100 trong giai đoạn 2019-2025 vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cần được quan tâm, xem xét để nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

Một là, tiến độ và chất lượng triển khai không đồng đều giữa các vùng, miền. Một số địa phương triển khai sâu, bài bản và có hệ thống, trong khi nhiều địa phương khác mới chỉ dừng lại ở bước ban hành kế hoạch hoặc thực hiện ở quy mô hạn chế, đặc biệt tại các tỉnh miền núi, trung du và vùng sâu, vùng xa. Năng lực tổ chức, nguồn lực tài chính và hạ tầng công nghệ thông tin giữa các địa phương 13 còn chênh lệch đáng kể, dẫn đến mức độ áp dụng truy xuất nguồn gốc khác nhau, tạo sự phân tán trong tổng thể hệ thống.

Hai là, hạ tầng kỹ thuật và mức độ kết nối dữ liệu quốc gia chưa đạt sự đồng bộ cần thiết. Mặc dù nhiều địa phương đã xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc cấp tỉnh, nhưng số lượng hệ thống thực hiện kết nối kỹ thuật hoặc chia sẻ dữ liệu ổn định lên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia còn chưa cao. Việc chuẩn hóa dữ liệu, tích hợp thông tin và vận hành theo tiêu chuẩn thống nhất vẫn gặp khó khăn do sự đa dạng về phần mềm, mô hình quản lý và tiêu chuẩn dữ liệu được sử dụng tại các địa phương.

Ba là, việc cập nhật và duy trì dữ liệu truy xuất của doanh nghiệp chưa thường xuyên, chủ yếu tập trung vào các địa phương có quy mô sản xuất lớn hoặc có chính sách hỗ trợ mạnh. Một bộ phận doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất chưa chú trọng duy trì nhật ký điện tử, chưa coi truy xuất nguồn gốc là một phần trong quản trị sản xuất - kinh doanh thường xuyên, dẫn đến dữ liệu thiếu ổn định và chưa phản ánh đầy đủ chuỗi giá trị.

Bốn là, công tác đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật chưa đồng đều về chiều sâu, mặc dù được triển khai rộng. Việc đào tạo chủ yếu tập trung vào thời điểm ban đầu, chưa có nhiều chương trình đào tạo nâng cao hoặc đào tạo chuyên sâu theo hướng thực hành, khiến năng lực vận hành chưa bền vững. Nhiều địa phương thiếu nhân lực chuyên trách, hạ tầng CNTT chưa đồng bộ, dẫn đến dữ liệu không được cập nhật thường xuyên.

Năm là, cơ chế phối hợp liên ngành chưa thật sự chặt chẽ, đặc biệt trong chia sẻ thông tin, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ và kết nối dữ liệu giữa các ngành hàng, lĩnh vực quản lý. Một số quy định hướng dẫn về tiêu chuẩn kỹ thuật, phân quyền quản trị dữ liệu và trách nhiệm trong vận hành hệ thống còn chưa thống nhất, chưa tạo điều kiện tối ưu để triển khai liên thông trên phạm vi toàn quốc.

Nhìn chung, các hạn chế trên cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, tăng cường tiêu chuẩn hóa kỹ thuật, củng cố hạ tầng số, bảo đảm nguồn lực vận hành và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Tại tỉnh Ninh Bình, Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã chủ động tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, tầm quan trọng của TXNG và hướng dẫn thực hiện TXNG sản phẩm, hàng hóa, thực hiện lồng ghép thông qua các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn; phát tờ rơi; phóng sự phát trên truyền thanh, truyền hình, đăng tải trên Trang thông tin điện tử như sau: Đã tổ chức hơn 266 hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn lồng ghép các nội dung phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; giới thiệu các tiêu chuẩn, giải pháp TXNG; hướng dẫn thiết lập hệ thống dữ

liệu, trích xuất và báo cáo thông tin TXNG thực phẩm... với sự tham gia của hơn 18.500 lượt người, giúp các đơn vị nhận thức, hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc thực hiện TXNG và đăng ký mã số mã vạch, giúp cho người tiêu dùng biết được nguồn gốc sản phẩm, khẳng định thương hiệu cũng như bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng; Phối hợp với Đài PT&TH thực hiện phóng sự về đẩy mạnh hoạt động TXNG sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh, đăng trên báo Trung ương và chuyên mục phát trên VTV và Đài PT&TH Ninh Bình về hiệu quả, tầm quan trọng của Hệ thống TXNG đối với sản phẩm Cơm cháy và Thảo dược. Treo 350 băng rôn khẩu hiệu, đăng 83 tin bài, phát 15.000 tờ rơi tại các điểm chợ dân sinh, phát thanh với tần suất 2 lần/ngày trên hệ thống truyền thanh cấp huyện/xã tuyên truyền về an toàn thực phẩm, TXNG, hướng dẫn nhân dân tìm hiểu và nâng cao kiến thức trong sử dụng thực phẩm sạch, rõ nguồn gốc,... Hỗ trợ 301 cơ sở xây dựng phần mềm định danh điện tử (QR code); 53 cơ sở thiết lập nhật ký điện tử để theo dõi sản xuất; 35 sản phẩm chủ lực của tỉnh (lúa gạo, lạc, thịt, trứng, lợn, thịt dê, cơm cháy, nấm các loại, mắm tép, thịt chung mắm tép, hào giống) thiết lập hệ thống điện tử TXNG; hỗ trợ, củng cố, duy trì và xác nhận 42 chuỗi liên kết cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn gắn với TXNG; nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thương hiệu cho sản phẩm nông sản, thủy sản; hỗ trợ hơn 946.000 tem truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; tiếp tục giám sát duy trì nhãn hiệu tập thể đã được bảo hộ và cơ sở được bảo hộ chỉ dẫn địa lý; chứng nhận áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP, HACCP, ISO); hướng dẫn cơ sở xây dựng bản công bố tiêu chuẩn chất lượng cho trên các loại sản phẩm. Triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); đến nay, toàn tỉnh Ninh Bình (mới) có gần 1.000 sản phẩm OCOP được công nhận đạt hạng từ 3 sao trở lên, trong đó có 05 sản phẩm đạt công nhận 5 sao, 152 sản phẩm được công nhận 4 sao, 824 sản phẩm 3 sao...Hỗ trợ cho hơn 10 doanh nghiệp, HTX trên địa bàn tỉnh: Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, đào tạo, hướng dẫn việc sử dụng hệ thống TXNG thông qua mã QR được dán trên hàng hóa.

Phương hướng và giải pháp trong thời gian tới

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong hơn 5 năm qua, đồng thời xuất phát từ yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu phát triển bền vững trong nước, hệ thống truy xuất nguồn gốc (TXNG) của Việt Nam trong giai đoạn tới cần được tiếp tục hoàn thiện và mở rộng. Định hướng trọng tâm là xây dựng và vận hành hệ thống TXNG thống nhất, minh bạch, hiệu quả, bảo đảm tính tương thích với chuẩn mực quốc tế, phục vụ đồng thời yêu cầu quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất – kinh doanh và quyền lợi người tiêu dùng.

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tiêu chuẩn kỹ thuật

Việc hoàn thiện cơ sở pháp lý được coi là nền tảng quan trọng. Quốc hội đã thông qua Luật số 78/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) và Luật số 70/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật), trong đó bổ sung nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến quản lý và tổ chức thực hiện TXNG. Đây sẽ là hành lang pháp lý thống nhất, tạo cơ sở để áp dụng TXNG bắt buộc với nhóm sản phẩm có rủi ro cao.

Trong giai đoạn tới, các bộ, ngành cần tiếp tục rà soát, ban hành danh mục sản phẩm bắt buộc áp dụng TXNG theo mức độ rủi ro, tiêu chuẩn và quy chuẩn quốc gia mới, đặc biệt là

những tiêu chuẩn liên quan đến công nghệ số nhằm bảo đảm tính tương thích với hệ thống GS1 toàn cầu, cũng như đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ hai, đẩy mạnh triển khai tại địa phương

Toàn bộ 34 tỉnh/thành phố mới cần tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án 100 theo hướng gắn kết chặt chẽ với chương trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số tại địa phương. Các địa phương phải xác định rõ danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm xuất khẩu làm trọng tâm triển khai áp dụng TXNG.

Trọng điểm trong giai đoạn tới là mở rộng phạm vi TXNG: từ nhóm sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm sang dược phẩm, thủy sản, hàng công nghiệp và dịch vụ có tiềm năng. Việc triển khai cần linh hoạt, phù hợp điều kiện từng địa phương, đồng thời bảo đảm sự đồng đều giữa các vùng, tránh tình trạng chênh lệch rõ rệt.

Thứ ba, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất

Doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất là lực lượng trực tiếp vận hành hệ thống TXNG. Vì vậy, cần tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ bền vững: Hỗ trợ tài chính thông qua cấp tem, mã truy xuất, đặc biệt ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và khu vực miền núi, vùng khó khăn. Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo, bao gồm các gói tư vấn, chuyển giao công nghệ và giải pháp phần mềm. Khuyến khích áp dụng công nghệ mới trong quản lý chuỗi cung ứng như IoT, blockchain, dữ liệu lớn nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam.

Thứ tư, tăng cường công tác tuyên truyền, đào tạo và nâng cao nhận thức

Cần mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, đào tạo về TXNG. Ngoài các hình thức truyền thống (hội nghị, tập huấn), cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ truyền thông số, nền tảng mạng xã hội và giáo dục trực tuyến. Việc lồng ghép TXNG vào các chương trình giáo dục phổ thông, đào tạo nghề, chương trình OCOP cần được triển khai bài bản, qua đó nâng cao nhận thức cộng đồng, hình thành thói quen sản xuất – kinh doanh minh bạch, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế.

Phối hợp với các hiệp hội, ngành hàng, hệ thống siêu thị lớn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng về lợi ích của việc áp dụng TXNG trong việc nâng cao giá trị của sản phẩm và minh bạch thông tin sản phẩm.

Thứ năm, xây dựng và vận hành hệ thống quản lý thông tin TXNG thống nhất toàn quốc

Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn tới là đẩy nhanh tiến độ kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống TXNG cấp tỉnh với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa TXNG quốc gia. Bộ KH&CN cần chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương để: Hoàn thiện hạ tầng công nghệ, bảo đảm khả năng liên thông, tích hợp và khai thác dữ liệu với mục tiêu: Ít nhất 80% dữ liệu TXNG của các ngành hàng trọng điểm được chia sẻ lên Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa Quốc gia.

Với 150.000 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tham gia; 4 triệu sản phẩm được định danh trên Cổng với 100% sản phẩm rủi ro cao áp dụng TXNG bắt buộc được chia sẻ dữ liệu lên Cổng; kết nối 2-3 hệ thống TXNG quốc tế để hỗ trợ xuất khẩu. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, xử lý vi phạm minh bạch, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý. Ứng dụng tối thiểu 2 công nghệ tiên tiến cho hệ thống truy xuất nguồn gốc, thí điểm các mô hình áp dụng công

nghe blockchain và trí tuệ nhân tạo (AI) trong hệ thống TXNG, tạo cơ sở cho hoạch định chính sách và cảnh báo rủi ro.

Thứ sáu, mở rộng hợp tác quốc tế

Tiếp tục mở rộng hợp tác với GS1 toàn cầu, FAO, WHO, ADB, UNIDO, USAID và các tổ chức quốc tế khác nhằm cập nhật xu hướng, chuẩn mực mới về TXNG, đồng thời thúc đẩy cơ chế liên thông về thông tin TXNG trong thương mại quốc tế. Việt Nam cần chủ động tham gia nhóm xây dựng tiêu chuẩn quốc tế của GS1, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, logistics chuỗi lạnh, y tế và mã định danh sản phẩm.

Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia đối tác thương mại lớn, tạo thuận lợi để nông sản, thủy sản và hàng hóa Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhập khẩu khắt khe, thâm nhập bền vững vào thị trường quốc tế./.

Trịnh Đình Thế - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng

XÂY DỰNG MÔ HÌNH ÁP DỤNG HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC CHO MỘT SỐ SẢN PHẨM MẬT ONG CỦA TỈNH NINH BÌNH

Mật ong là sản phẩm được sử dụng trực tiếp như một loại thực phẩm bổ dưỡng hoặc làm thuốc. Nếu mật ong chứa chất độc hại như kháng sinh, hóa chất bảo quản hoặc bị pha tạp chất, có thể gây ra các vấn đề nghiêm trọng cho sức khỏe người tiêu dùng, đặc biệt là trẻ em và người cao tuổi. Tính chất sử dụng trực tiếp của mật ong và mức độ phổ biến của sản phẩm này cùng với yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm thì truy xuất nguồn gốc (TXNG) chính là “chìa khóa” để nông sản khẳng định uy tín trên thị trường và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.

Nhằm cụ thể hóa Quyết định số 100/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 123/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Bình về áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (TXNG) sản phẩm, hàng hóa, Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 về việc phê duyệt tổ chức chủ trì và phân bổ kinh phí sự nghiệp khoa học cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất bổ sung, nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện Nghị quyết số 123/2021/NQ-HĐND năm 2024. Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển Công nghệ Bách Khoa Hà Nội được giao thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng mô hình áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho một số sản phẩm mật ong của tỉnh Ninh Bình”.

Triển khai thực hiện Ban chủ nhiệm (BCN) đề tài đã tiến hành khảo sát 10 cơ sở sản xuất mật ong trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và đã lựa chọn ra được 03 cơ sở sản xuất: HTX nuôi ong mật 27/7 (xã Kim Đông), Công ty Cổ phần Thương mại mật ong sủ vệt biển Kim Sơn (xã Bình Minh) và HTX mật ong rừng Yên Đồng (xã Đồng Thái) áp dụng mô hình.

BCN đã tiến hành khảo sát chuyên sâu tại các đơn vị về thực trạng sản xuất, quy trình sản xuất, nhu cầu và nhận thức về truy xuất nguồn gốc. Sau khi nắm được thực trạng và nhu cầu

của các cơ sở sản xuất mật ong, BCN đề tài đã tiến hành phân tích dữ liệu, xây dựng tài liệu, sổ tay và quy trình truy xuất nguồn gốc mật ong điện tử.

Smart Trace SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG HỆ THỐNG XÁC THỰC NGUỒN GỐC

1. QUÉT QR ĐỂ TẢI APP XÁC THỰC NGUỒN GỐC

Download on the **App Store**

GET IT ON **Google Play**

TẢI APP TRÊN IOS

1. Mở ứng dụng Zalo hoặc máy ảnh để quét mã QR
2. Bấm vào biểu tượng quét QR và đưa camera vào ảnh QR

TẢI APP TRÊN ANDROID

1. Mở ứng dụng Zalo hoặc ứng dụng chuyên dùng để quét mã QR
2. Bấm vào biểu tượng quét QR và đưa camera vào ảnh QR

Công ty Tư vấn và Phát triển công nghệ Bách Khoa Hà Nội Đã phát hành

2. HƯỚNG DẪN TẢI APP TRÊN IPHONE (IOS)

BƯỚC 1

1. Mở App Store trên iPhone
2. Nhấn vào biểu tượng Tìm kiếm ở thanh công cụ dưới cùng.

BƯỚC 2

1. Nhập từ khóa "TXNG" vào ô tìm kiếm.
2. Tìm ứng dụng TXNG Smart Trace.
3. Nhấn vào biểu tượng Tải xuống để cài đặt ứng dụng.

Công ty Tư vấn và Phát triển công nghệ Bách Khoa Hà Nội Đã phát hành

Sổ tay hướng dẫn sử dụng hệ thống xác thực nguồn gốc

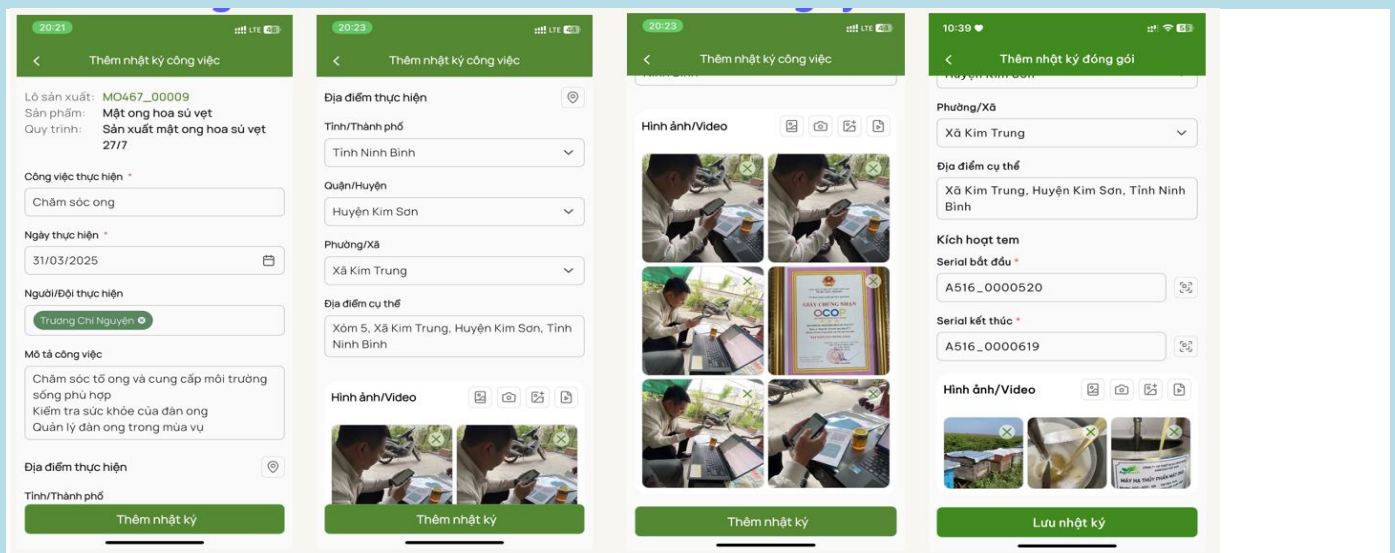
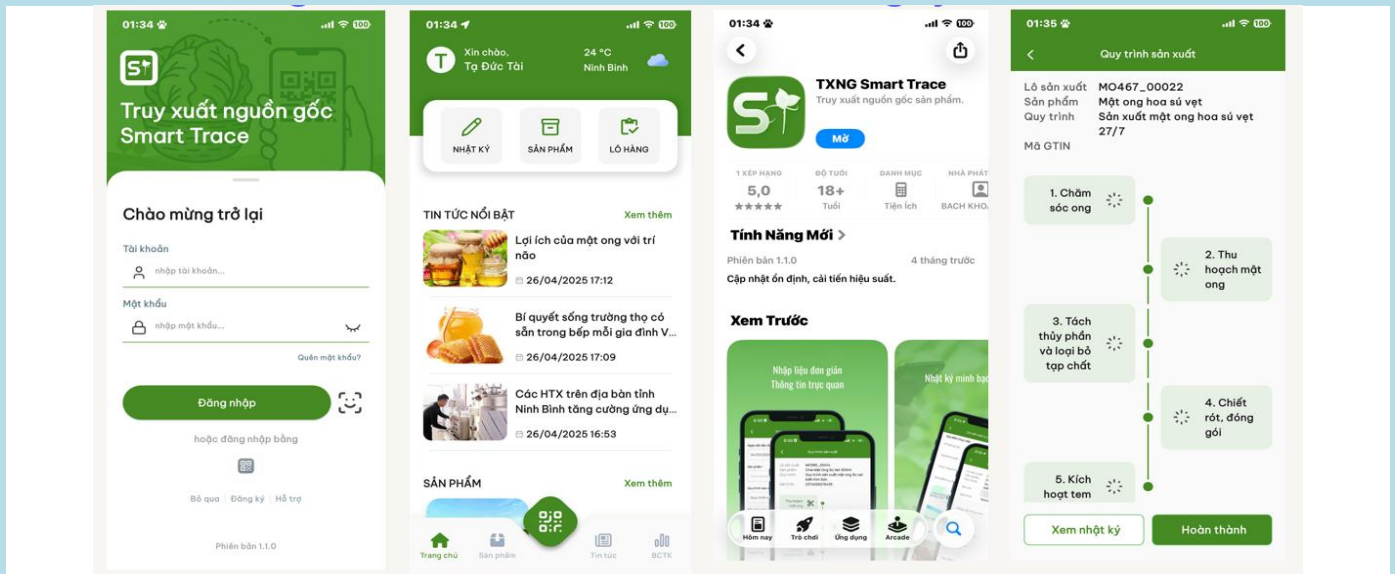
Hệ thống phần mềm TXNG điện tử theo dõi sản xuất và kinh doanh sản phẩm mật ong được xây dựng theo kiến trúc client-server, bảo đảm khả năng mở rộng, tính ổn định và an toàn dữ liệu. Hệ thống được triển khai đồng thời trên nền tảng web (phục vụ quản lý tập trung) và ứng dụng mobile (phục vụ truy xuất và cập nhật dữ liệu tại hiện trường). Cấu phần chính bao gồm:

- Phần mềm quản trị nội bộ: Dành cho cán bộ quản lý cấp tỉnh/huyện và các cơ sở sản xuất, kinh doanh mật ong. Cho phép thiết lập tổ chức, quản lý doanh nghiệp, phê duyệt thông tin lô sản xuất và theo dõi quá trình vận hành. Hỗ trợ phân quyền theo vai trò.

- Cơ sở dữ liệu trung tâm: Lưu trữ tập trung các dữ liệu liên quan như hồ sơ doanh nghiệp; Danh mục sản phẩm; Nhật ký sản xuất theo từng công đoạn; Thông tin lô hàng, kiểm nghiệm chất lượng, đánh giá cảm quan; Mã truy xuất, thông tin tem QR, trạng thái sử dụng tem; Hệ thống bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật, sao lưu dữ liệu định kỳ.

- Cổng truy vấn công khai dành cho người tiêu dùng: Người tiêu dùng có thể quét mã QR được gắn trên sản phẩm. Giao diện công khai hiển thị các thông tin xác thực nguồn gốc: doanh nghiệp sản xuất, địa điểm sản xuất, ngày thu hoạch, quy trình chế biến, kết quả kiểm nghiệm chất lượng, lịch sử lưu thông sản phẩm. Hỗ trợ phản hồi, đánh giá mức độ tin cậy của sản phẩm.

Các chức năng chính của hệ thống: Quản lý doanh nghiệp và sản phẩm; Quản lý lô sản xuất và nhật ký sản xuất; Quản lý tem truy xuất nguồn gốc; Tra cứu thông tin phục vụ người tiêu dùng và cơ sở quản lý; Báo cáo, thống kê và biểu đồ theo thời gian thực.



Vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc

BCN đề tài đã bàn giao cho các đơn vị sản xuất mật ong tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; tài khoản truy cập hệ thống và thực hiện đào tạo cho nhân sự vận hành hệ thống, hướng dẫn sử dụng, theo dõi cập nhật dữ liệu, vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; Hướng dẫn thực hành cách ghi nhận và nhập dữ liệu truy xuất lên hệ thống theo từng công đoạn: chăm sóc ong, thu hoạch mật ong, quay mật, tách thủy phân, chiết rót, đóng gói; Kích hoạt tem và khai thác thông tin sản phẩm sau khi kích hoạt tem. Hướng dẫn kiểm tra thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, kiểm tra thông tin sản phẩm theo từng giai đoạn; Kiểm tra tính chính xác và nhất quán của dữ liệu nhập vào hệ thống với hồ sơ thực tế, chỉnh sửa, bổ sung thông tin còn thiếu hoặc sai sót; Tại các buổi đào tạo các cơ sở được BCN đề tài giải đáp thắc mắc, xử lý các tình huống thực tế.



Hướng dẫn áp dụng, chuẩn hóa hệ thống TXNG đối với 03 cơ sở sản xuất sản phẩm mật ong

Sau khi đào tạo và bàn giao hệ thống truy xuất cho các cơ sở, BCN đề tài đã thực hiện theo dõi và hỗ trợ cập nhật dữ liệu thực tế, dữ liệu trực tiếp trên hệ thống, bao gồm: Thông tin lô thu hoạch, nhật ký sơ chế, lọc mật, dữ liệu đóng gói, lưu kho; Kết quả kiểm nghiệm chất lượng, nhằm đảm bảo dữ liệu được nhập đúng quy định và đầy đủ theo chuỗi sản xuất, các lô sản xuất được kích hoạt tem truy xuất và theo dõi tình trạng sử dụng, nhất quán giữa dữ liệu thực tế và dữ liệu nhập trên hệ thống; Đồng bộ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc Quốc gia và thực hành ghi nhật ký điện tử theo Thông tư 02/2024/TT-BKHCN. Giám sát vận hành và kiểm tra định kỳ hàng tuần thông qua số lượng tem đã kích hoạt, theo dõi số lượt quét mã từ người tiêu dùng, kiểm tra trạng thái lô hàng và thời điểm cập nhật dữ liệu.

Ba cơ sở tham gia đề tài đã được cấp 30.000 tem QR truy xuất nguồn gốc (10.000 tem QR/cơ sở). Tem được in theo chuẩn mã truy xuất của hệ thống, đảm bảo: Mã QR duy nhất cho từng đơn vị sản phẩm, khả năng quét tốt trên thiết bị di động, độ bền tem phù hợp điều kiện vận chuyển và bảo quản của sản phẩm mật ong. Hỗ trợ cơ sở trong việc quản lý số lượng tem, bao gồm tem đã cấp, tem đã dán, tem chưa sử dụng và tem hủy.

Kết quả thực tế cho thấy, sản phẩm mật ong có truy xuất nguồn gốc được thị trường đánh giá cao, giá bán tăng 10 - 15%, nhiều cơ sở đã ký được hợp đồng tiêu thụ ổn định với các cửa hàng thực phẩm sạch trong và ngoài tỉnh. Việc áp dụng TXNG giúp các cơ sở nâng cao tính chuyên nghiệp, quản lý khoa học quy trình sản xuất, minh bạch thông tin, tạo niềm tin cho người tiêu dùng, giúp tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Mô hình truy xuất nguồn gốc sản phẩm mật ong là giải pháp thiết thực, phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững và ứng dụng công nghệ số của tỉnh Ninh Bình. Đây là bước đi tiên phong trong chuyển đổi số nông nghiệp, nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả kinh tế, góp phần nâng tầm thương hiệu mật ong Ninh Bình. Kết quả triển khai mô hình là tiền đề quan trọng để mở rộng áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm nông nghiệp khác, góp phần nâng cao giá trị, khẳng định thương hiệu nông sản tỉnh Ninh Bình trên thị trường trong nước và quốc tế./.

Đinh Thị Lan- Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng

NGÀY TIÊU CHUẨN THẾ GIỚI 14/10

Ngày 14 tháng 10 hằng năm đã được ba tổ chức tiêu chuẩn hàng đầu thế giới là: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) và Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) chọn là Ngày Tiêu chuẩn Thế giới nhằm vinh danh những đóng góp và hợp tác của hàng ngàn chuyên gia, tổ chức trên toàn thế giới trong hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.



Ảnh sưu tầm minh họa

Từ năm 2021, ba tổ chức cùng thống nhất Chủ đề: Tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) - Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn (Standards for SDGs - Our shared vision for a better world) như một hành trình kéo dài nhiều năm, nhằm thể hiện vai trò của tiêu chuẩn trong việc đóng góp công cụ để đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDG). Đó là những mục tiêu toàn cầu, là mục tiêu phổ quát được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên hiệp quốc.

Tháng 9/2015, Chương trình Nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững đã được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo sự thịnh vượng cho tất cả mọi người. Trong đó:

“Mục tiêu phát triển bền vững 3 - Chăm sóc sức khỏe an toàn và dễ tiếp cận cho tất cả mọi người.

Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng là quyền của con người và thiết yếu đối với sự phát triển bền vững. SDG 3 nhằm đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc cho mọi người ở mọi lứa tuổi.

Các tiêu chuẩn quốc tế và đánh giá sự phù hợp đóng một vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu của SDG 3. Chúng cung cấp một khuôn khổ toàn cầu tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các công nghệ y tế kỹ thuật số, nghiên cứu và phát triển, sản xuất và bảo trì các thiết bị và hệ thống chăm sóc sức khỏe, đảm bảo các thiết bị y tế, dịch vụ và hệ thống chăm

sức khỏe hiệu quả, an toàn và đáng tin cậy có thể tiếp cận được với số lượng lớn dân số toàn cầu.

Tiêu chuẩn cũng cung cấp cơ sở cho việc hoạch định chính sách hiệu quả và các quy định khuyến khích sự hợp tác nhằm cải thiện kết quả chăm sóc sức khỏe.

Khi công nghệ y tế kỹ thuật số phát triển, các tiêu chuẩn IEC, ISO và ITU giúp đảm bảo rằng các hệ thống được an toàn và quyền riêng tư của người bệnh được bảo vệ.

Chúng ta hợp tác cùng nhau để đẩy mạnh Chương trình nghị sự 2030 của Liên hiệp quốc, với các tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu phát triển bền vững và tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn.

Tầm nhìn chung về một thế giới tốt đẹp hơn: Tập trung vào Mục tiêu 17 - Quan hệ đối tác vì các mục tiêu

Các tiêu chuẩn quốc tế là nền tảng của hợp tác toàn cầu, bảo đảm khả năng tương thích, củng cố niềm tin và thúc đẩy hợp tác đa bên nhằm thúc đẩy phát triển bền vững.

Năm nay, Ngày Tiêu chuẩn Thế giới sẽ tìm hiểu cách thức mà các tiêu chuẩn mang lại một khuôn khổ chung, tạo điều kiện cho sự hợp tác có ý nghĩa giữa các ngành, chính phủ và tổ chức để đạt được những mục tiêu chung.

Chiến dịch sẽ nhấn mạnh các ví dụ cụ thể, cho thấy sức mạnh của quan hệ đối tác và tác động của việc cùng hành động thông qua các tiêu chuẩn.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) - nhằm giải quyết bất bình đẳng xã hội, phát triển kinh tế bền vững và làm chậm tốc độ biến đổi khí hậu - là những mục tiêu đầy tham vọng. Để đạt được những mục tiêu này, cần có sự hợp tác của nhiều đối tác công và tư, cũng như việc sử dụng tất cả công cụ sẵn có, bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế và hoạt động đánh giá sự phù hợp.

Cuộc chiến khốc liệt chống lại đại dịch toàn cầu dai dẳng đã cho thấy sự cần thiết tuyệt đối của việc thực hiện các SDG một cách toàn diện, nhằm củng cố xã hội, giúp xã hội kiên cường và công bằng hơn. Hôm nay, chúng tôi kêu gọi bạn cùng tham gia vào sứ mệnh khẳng định tầm quan trọng của SDG để xây dựng lại tốt hơn. Trong nỗ lực này, các tiêu chuẩn càng trở nên thiết yếu hơn bao giờ hết.

Toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn được xây dựng trên tinh thần hợp tác. Đây là minh chứng cho sức mạnh của sự đoàn kết và niềm tin rằng chúng ta mạnh mẽ hơn khi cùng nhau hành động. Bằng cách hợp tác cùng nhau, chúng ta đang trao quyền cho mọi người với các giải pháp thực tế để đối mặt trực diện với những thách thức về phát triển bền vững.

Chính với tinh thần đó, chúng tôi đang triển khai một hành trình nhiều năm nhân Ngày Tiêu chuẩn Thế giới, nhằm làm nổi bật vai trò của các tiêu chuẩn quốc tế trong việc đóng góp vào thành công của các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG)”.
Hưởng ứng Ngày Tiêu chuẩn Thế giới năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Văn bản số 5320/BKHCN - TĐC ngày 05/10/2025 về việc tổ chức Kỷ niệm Ngày Tiêu chuẩn Thế giới năm 2025 gửi các Bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố; các doanh nghiệp, hiệp hội, trường đại học căn cứ điều kiện thực tế tổ chức tuyên truyền, kỷ niệm Ngày Tiêu chuẩn Thế giới tại địa phương. Thông điệp Ngày Tiêu chuẩn Thế giới và một số thông tin giới thiệu về ba tổ chức ISO, IEC, ITU và các công cụ truyền thông dựng sẵn được đăng tải tại địa chỉ: <https://www.worldstandardsday.org/home.html> ./.

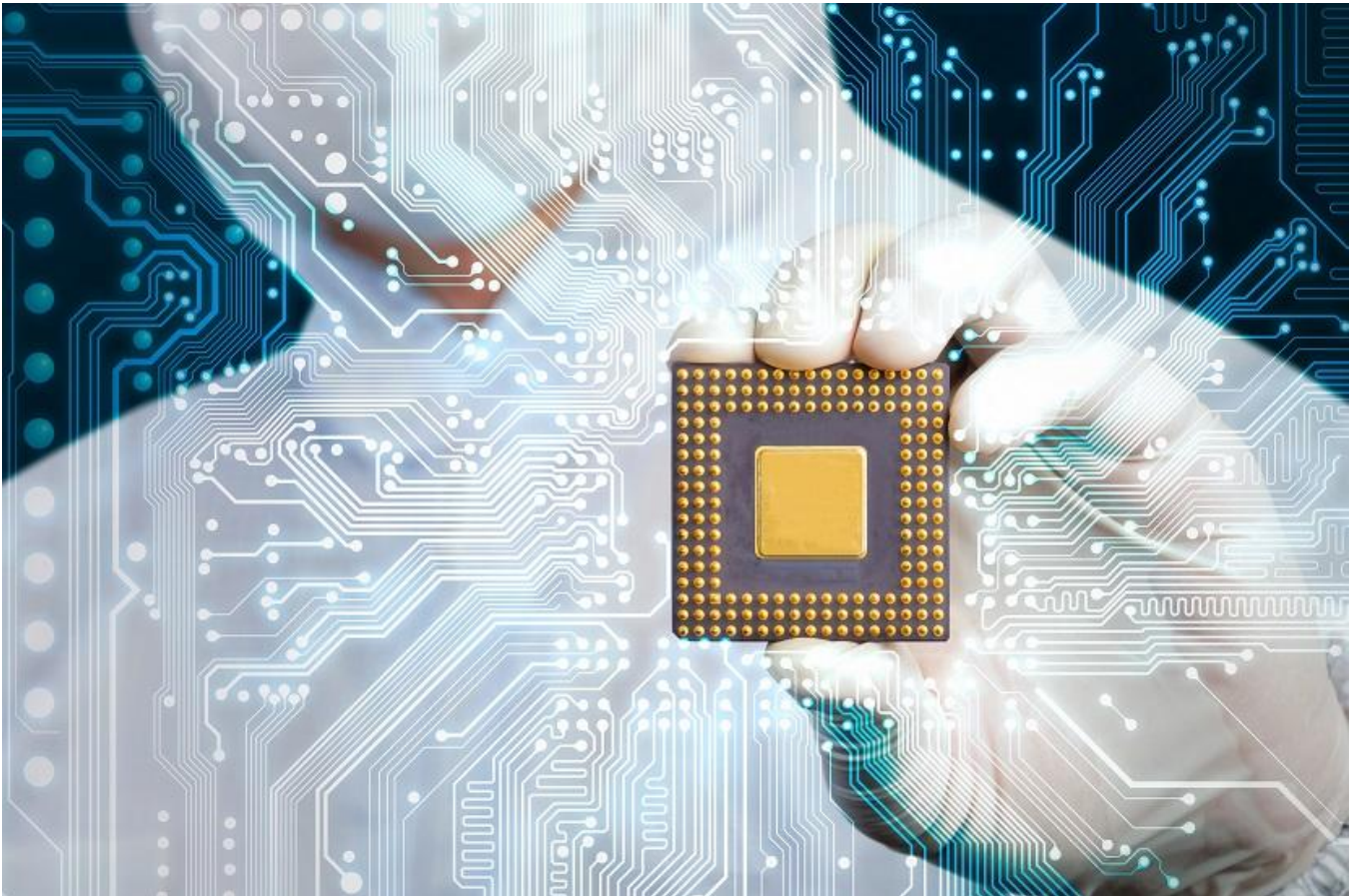
Trịnh Đình Thê - Chi cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Chất lượng

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN GẮN VỚI NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với mục tiêu trở thành trung tâm bán dẫn khu vực, Việt Nam đang từng bước đẩy mạnh ứng dụng AI, tự động hóa và đầu tư bán dẫn, giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, rút ngắn thời gian phát triển chip và gia tăng giá trị sản xuất.

Ngành công nghiệp bán dẫn được xem là trụ cột chiến lược, đóng vai trò then chốt trong chuỗi giá trị điện tử toàn cầu. Theo Hiệp hội Công nghiệp bán dẫn Hoa Kỳ (SIA), nhu cầu thiết bị điện tử ngày càng tăng cùng tiến bộ công nghệ, thị trường bán dẫn toàn cầu dự báo đạt 600 tỷ USD vào năm 2025, tăng 14% so với 2023. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao năng suất, rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm và đảm bảo chất lượng trở thành yêu cầu sống còn cho doanh nghiệp.

TS. Steven Woo, chuyên gia tại Rambus, nhận định sự bùng nổ của AI đặt ra thách thức lớn cho ngành bán dẫn, khi nhu cầu về số lượng và chất lượng sản phẩm tăng mạnh. Thiết kế chip gồm nhiều công đoạn phức tạp từ thiết kế chức năng, tổng hợp mạch, bố trí, định tuyến, xác minh đến sản xuất thử nghiệm, trong đó các dòng chip tiên tiến có thể mất nhiều năm hoàn thiện. Sự phát triển nhanh chóng của AI buộc doanh nghiệp phải rút ngắn thời gian, đổi mới liên tục và đáp ứng các yêu cầu cao hơn về năng lượng, bộ nhớ và băng thông, đồng thời duy trì độ chính xác và chất lượng.



Dự báo của Hiệp hội ngành công nghiệp bán dẫn toàn cầu (SEMI) chỉ ra rằng, đến năm 2030, ngành cần thêm khoảng một triệu lao động lành nghề. Đây là lý do khiến tự động hóa và

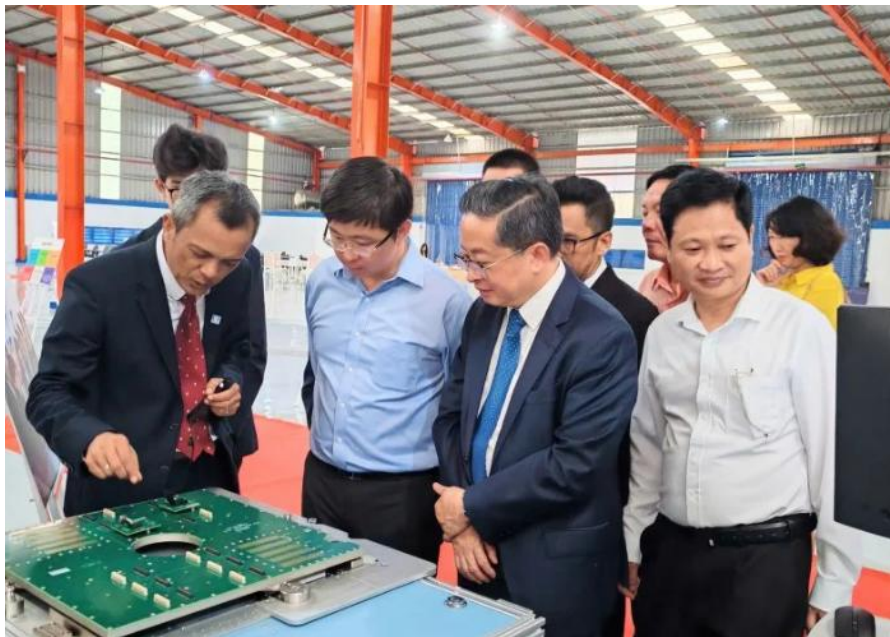
ứng dụng AI trở thành chiến lược quan trọng, giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, tối ưu chi phí, giảm rủi ro vận hành và đảm bảo tiến độ sản xuất. Các thuật toán học máy phân tích dữ liệu không lồ từ quy trình sản xuất, phát hiện bất thường và điều chỉnh hoạt động ngay lập tức, giúp tiết kiệm vật liệu, giảm thời gian gián đoạn và cắt giảm chi phí, đồng thời nâng cao hiệu năng và chất lượng chip.

Với quyết tâm đưa Việt Nam trở thành trung tâm hàng đầu về lĩnh vực bán dẫn trong khu vực và trên thế giới, mới đây Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050, cùng nhiều chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư và thúc đẩy doanh nghiệp phát triển trong ngành công nghiệp bán dẫn. Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP, đến năm 2030 đạt 30% GDP; chỉ tiêu cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% GDP và lọt vào Top 40 Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)”.

Chủ trương này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nội địa mà còn mở ra cơ hội hợp tác quốc tế, giúp ngành bán dẫn Việt Nam phát triển toàn diện. Hiện nay Việt Nam có khoảng trên 170 dự án đầu tư nước ngoài trong ngành công nghiệp bán dẫn với tổng vốn đăng ký gần 11,6 tỷ USD. Chuỗi cung ứng bán dẫn Việt Nam chủ yếu tập trung vào 2 công đoạn chính là thiết kế chip bán dẫn; đóng gói và kiểm thử chip bán dẫn. Với dân số khoảng 100 triệu người, trong đó hơn 60% là dân số trẻ, đã phát triển thành một trung tâm năng động cho ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin.

Với hơn 1,9 triệu nhân lực làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ số, bao gồm hơn 500 nghìn kỹ sư, Việt Nam đã hình thành một cộng đồng thiết kế chip bán dẫn mạnh mẽ với khoảng 60 doanh nghiệp và 7.000 kỹ sư thiết kế. Thực tế cũng đang cho thấy Việt Nam có có nhiều yếu tố thuận lợi để tham gia sâu và ngày càng nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị bán dẫn toàn cầu.

Trong cuộc đua này, đã có không ít doanh nghiệp công nghệ Việt Nam chủ động đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), hợp tác quốc tế để tiếp cận công nghệ thiết kế chip tiên tiến, dần tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tiêu biểu như Viettel và FPT, hai đơn vị tiên phong trong lĩnh vực chip nội địa. FPT ra mắt sản phẩm IoT ứng dụng trong y tế, còn Viettel sản xuất chip cho thiết bị 5G. Cả hai đang hướng tới tự chủ trong sản xuất và đóng gói chip, đóng vai trò dẫn dắt ngành bán dẫn Việt Nam.



Bên cạnh đó, CT Semiconductor (thành viên của Tập đoàn CT Group) đang xây dựng nhà máy bán dẫn tại Thuận An, Bình Dương, dự kiến đạt công suất khoảng 100 triệu chip mỗi năm vào năm 2027, tập trung vào lắp ráp, kiểm định và đóng gói chip thông minh. Công ty dành hơn 10% ngân sách cho R&D các dòng chip GaN, chip photonic, AI và 6G, mở ra cơ hội phát triển chuỗi giá trị vi mạch nội địa. Dự kiến đi vào vận hành ngay trong quý 4/2025, nhà máy sẽ đạt công suất đến công suất 100 triệu chip/năm vào 2027. Nhà máy sử dụng các công nghệ mới nhất của 2025 với sự tham gia của các chuyên gia trên 30 năm kinh nghiệm trong ngành bán dẫn.

Tương tự, Nanochap Electronics (thành phố Hồ Chí Minh) được xem là “hạt giống” ngành vi mạch Việt Nam, chuyên thiết kế vi mạch và microchip y tế, nhận hỗ trợ từ Nhà nước về chính sách và vốn. Công ty tận dụng lực lượng kỹ sư trẻ, giàu chuyên môn để phát triển chip nội địa, đáp ứng nhu cầu trong nước và nâng cao vị thế Việt Nam trên bản đồ công nghệ.

Những ví dụ trên cho thấy, việc đầu tư vào R&D, tự động hóa, AI và chuyên gia công nghệ không chỉ giúp doanh nghiệp tăng năng suất, nâng cao chất lượng, tối ưu hóa chi phí, mà còn góp phần xây dựng ngành bán dẫn Việt Nam bền vững.

Song song với cơ hội, ngành bán dẫn tại Việt Nam phải đối mặt với thách thức về nguồn nhân lực và áp lực thời gian để đáp ứng nhu cầu thị trường. Việc áp dụng tự động hóa và AI trong sản xuất là giải pháp then chốt, giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian phát triển sản phẩm, giảm sai sót, tiết kiệm vật liệu và nâng cao hiệu suất.

Với chiến lược dài hạn và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Chính phủ, ngành bán dẫn Việt Nam đang đứng trước cơ hội vàng để phát triển bền vững, nâng cao năng suất và chất lượng, đồng thời tạo nền tảng vững chắc để doanh nghiệp Việt khẳng định vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nguồn: Vietq.vn

KINH TẾ TUẦN HOÀN MỞ ĐƯỜNG CHO TĂNG TRƯỞNG XANH BỀN VỮNG

Kinh tế tuần hoàn đang trở thành động lực, giữ vai trò trung tâm trong quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh của Việt Nam, là con đường tất yếu để đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Nền tảng kiến trúc phát triển mới trong bối cảnh chuyển đổi kép

TS. Phí Vĩnh Tường - Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới khẳng định, kinh tế tuần hoàn đã trở thành xu thế toàn cầu trong bối cảnh các quốc gia phải đối mặt với tình trạng nước biển dâng, biến đổi khí hậu và khủng hoảng tài nguyên. Với Việt Nam, kinh tế tuần hoàn không còn là sự lựa chọn, mà là con đường tất yếu để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, đáp ứng cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 và cụ thể hóa Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035.

Theo GS. TS. Lê Văn Lợi - Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, việc Chính phủ ban hành Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/1/2025 về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 là bước đi chiến lược nhằm cụ thể hóa các định hướng trong Luật Bảo vệ Môi trường (năm 2020), Chiến lược tăng trưởng xanh và Chiến lược

quốc gia về biến đổi khí hậu. Ông nhấn mạnh, cần gắn kết chính sách - doanh nghiệp - khoa học công nghệ, hướng tới xây dựng hệ sinh thái tuần hoàn toàn diện ở Việt Nam.



Tăng trưởng xanh, bền vững, tiếp sức cho phát triển kinh tế tuần hoàn

"Không dừng lại ở một khái niệm mang tính trào lưu, kinh tế tuần hoàn đang trở thành nền tảng kiến trúc phát triển mới của quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi kép: chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Đây cũng chính là hướng đi nhằm giảm phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, tối ưu hóa sử dụng năng lượng và tạo ra các chuỗi giá trị kinh tế bền vững dựa trên tái chế, tái sử dụng và đổi mới công nghệ" - GS. TS. Lê Văn Lợi nhấn mạnh.

Tuy nhiên, các nhà khoa học cũng chỉ ra, việc phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam đang gặp phải không ít khó khăn, từ chính sách đến thực tế. TS. Phí Vĩnh Tường cảnh báo nguy cơ Việt Nam có thể bị loại ra khỏi các chuỗi giá trị toàn cầu nếu không nhanh chóng triển khai kinh tế tuần hoàn. Hiện nay, một số chính sách liên quan đến phát triển kinh tế đã được ban hành, song còn phân tán, thiếu hướng dẫn cụ thể cho các ngành, thiếu cơ chế phối hợp liên ngành; hạ tầng tái chế và cơ sở dữ liệu quốc gia về dòng vật chất còn yếu; năng lực của doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn hạn chế.

PGS. TS. Bùi Quang Tuấn - Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam cũng chỉ ra hạn chế cần khắc phục, đó là mô hình tăng trưởng của Việt Nam vẫn dựa vào lao động giá rẻ, lan tỏa của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn hạn chế, nhất là năng lực công nghệ.

Đặc biệt, đóng góp của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng còn ít. Việt Nam chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, phát triển kinh tế chưa thực sự "xanh". Kinh tế tuần hoàn mới ở dạng sơ khai trong một số lĩnh vực nông nghiệp và khu công nghiệp sinh thái...

Giải pháp tài chính xanh "tiếp sức" cho phát triển kinh tế tuần hoàn

Đóng góp giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, TS. Phí Vĩnh Tường cho rằng, việc cần làm ngay là hoàn thiện thể chế và quản trị kinh tế tuần hoàn, xác định cơ chế phối hợp

liên ngành; ưu tiên phát triển kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo và đô thị; xây dựng cơ chế tài chính xanh và khuyến khích đầu tư, thiết kế hệ thống tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ tuần hoàn để hỗ trợ doanh nghiệp.

Liên quan tới việc hỗ trợ doanh nghiệp, TS. Nguyễn Đình Đáp - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nêu thực tế, với hầu hết doanh nghiệp trong nước, nguồn lực để thực hiện chuyển đổi sang phát triển kinh tế tuần hoàn còn hạn chế. Kinh tế tuần hoàn phải gắn với đổi mới, ứng dụng khoa học, tiếp cận công nghệ tiên tiến. Muốn phát triển kinh tế tuần hoàn, đòi hỏi phải có đội ngũ chuyên gia giỏi, để giải quyết tốt các vấn đề, từ khâu đầu đến khâu cuối của cả quá trình. Do vậy, "bài toán" đặt ra với các doanh nghiệp là nguồn lực tài chính để theo đuổi sản xuất xanh, kinh tế tuần hoàn.

Để hỗ trợ doanh nghiệp một cách thiết thực, theo các chuyên gia kinh tế, Nhà nước nên bổ sung và hoàn thiện cơ chế tài chính và thuế theo hướng ban hành các chính sách thuế, phí và ưu đãi tài chính (ví dụ: giảm thuế VAT, miễn giảm thuế, trợ cấp) để khuyến khích áp dụng các mô hình kinh doanh tuần hoàn; hỗ trợ vốn và đầu tư ban đầu cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, thực hiện chuyển đổi sang các mô hình kinh doanh theo hướng tuần hoàn.

Trên thực tế, trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam đã từng bước xây dựng nền tảng chính sách cho việc hình thành và phát triển ngân hàng xanh, đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ cam kết thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại Hội nghị COP26. Ngân hàng Nhà nước đóng vai trò trung tâm trong tiến trình này thông qua việc ban hành Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam (Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018).

Đề án đặt mục tiêu đến năm 2025, tối thiểu 10 - 12 ngân hàng thương mại triển khai chính thức mô hình ngân hàng xanh; đồng thời, hệ thống tín dụng xanh chiếm ít nhất 5% tổng dư nợ toàn nền kinh tế.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, đến cuối năm 2024, tổng dư nợ tín dụng xanh của hệ thống ngân hàng Việt Nam đạt khoảng 637.000 tỷ đồng, chiếm 4,5% tổng dư nợ nền kinh tế, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2021. Trong đó, khối ngân hàng thương mại nhà nước chiếm khoảng 60% tổng dư nợ tín dụng xanh. Điều này cho thấy cam kết và sự chuyển dịch rõ nét trong danh mục cấp tín dụng của các ngân hàng hướng tới lĩnh vực thân thiện môi trường.

Tuy nhiên, việc triển khai đề án còn nhiều hạn chế, một số văn bản hướng dẫn chưa đồng bộ giữa các cơ quan, trong khi quy trình thẩm định "dự án xanh" còn thiếu thống nhất. Ngoài ra, chưa có quy định cụ thể về việc công bố thông tin ESG (môi trường - xã hội và quản trị), khiến việc giám sát và minh bạch hóa kết quả còn gặp nhiều khó khăn. Đây là những hạn chế, rào cản cần được khai mở trong thời gian tới để kinh tế tuần hoàn phát triển.

Mục tiêu đến năm 2035, Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo về kinh tế tuần hoàn

Kế hoạch hành động quốc gia về kinh tế tuần hoàn đến năm 2035 hướng tới mục tiêu hình thành hệ thống sản xuất và tiêu dùng bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Lộ trình bao gồm ưu tiên giai đoạn 2025 - 2030 để giảm khai thác, sử dụng tài nguyên và tăng hiệu quả tài nguyên, đạt các chỉ tiêu tương đương nhóm nước dẫn đầu ASEAN. Mục tiêu đến năm 2035 là hình thành nền kinh tế tuần hoàn toàn diện, cạnh tranh cao, trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo về kinh tế tuần hoàn trong khối ASEAN.

Cụ thể, phấn đấu giảm khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên không tái tạo và tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu, vật liệu và tiết kiệm năng lượng; đạt các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản) tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN.

Từ góc độ doanh nghiệp, thực hiện kinh tế tuần hoàn có nghĩa là xây dựng mô hình kinh doanh sáng tạo nhằm giảm thiểu chất thải, tái sử dụng tài nguyên và tạo ra các sản phẩm, dịch vụ bền vững. Để làm được điều này, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp tập trung vào các hoạt động như: thiết kế sản phẩm bền vững, áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn, xây dựng hệ thống thu gom và tái chế, phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên dịch vụ; chuyển đổi sang sử dụng năng lượng từ các nguồn tái tạo như năng lượng mặt trời, năng lượng gió để giảm "dấu chân" carbon...

Nguồn: Thoibaotaichinhvietnam.vn